

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON

**ĐÀO THỊ VÂN**

**BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT  
TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH” CỦA  
SƠN TÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Mã sinh viên: 2252020164**

**NINH BÌNH, 2022**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON

**ĐÀO THỊ VÂN**

**BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT  
TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH” CỦA  
SƠN TÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Mã sinh viên: 2252020164**

**Người hướng dẫn: ThS. Lê Thị Thu Hoài**

**NINH BÌNH, 2022**

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp *Bước đầu tìm hiểu câu đờn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của Sơn Tùng*, tôi đã được Thạc sĩ Lê Thị Thu Hoài tận tình hướng dẫn. Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình này.

Tôi xin gửi lời tri ân đến quý thầy cô Trường Đại học Hoa Lư, các thầy cô Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non, Khoa Sư phạm Trung học, các bạn sinh viên lớp D11 - Tiểu học, gia đình và người thân đã động viên, khích lệ và giúp đỡ tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

*Ninh Bình, ngày tháng năm 2022*

**Người viết**

**Đào Thị Vân**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân. Đề tài đi sâu tìm hiểu về câu đờn đặc biệt trong tác phẩm “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng. Nội dung đề tài có tham khảo và sử dụng các tài liệu, thông tin được đăng tải trên các trang báo điện tử, tạp chí, văn bản theo danh mục tài liệu tham khảo của đề tài đã được liệt kê. Những vấn đề được trình bày là trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kì hình thức nào như công trình nghiên cứu khoa học, ấn phẩm hay bài viết trên tạp chí.

*Ninh Bình, ngày tháng năm 2022*

**Người cam đoan**

**Đào Thị Vân**



**Tháp Mười đẹp nhất bông sen  
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ**

## **XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

Với tư cách là người hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp, tôi xin xác nhận những lời cam đoan của sinh viên Đào Thị Vân là hoàn toàn chính xác. Những vấn đề được trình bày trong khoá luận là trung thực, khoa học, rõ ràng.

*Ninh Bình, ngày .... tháng .... năm 2022*

**Người hướng dẫn**

**ThS. Lê Thị Thu Hoài**

## MỤC LỤC

**LỜI CẢM ƠN**

**LỜI CAM ĐOAN**

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT**

**DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

**MỞ ĐẦU ..... 1**

1. Lí do chọn đề tài..... 1

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ..... 2

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... 3

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 4

5. Phương pháp nghiên cứu..... 4

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn..... 4

**Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN ..... 5**

1.1. NHỮNG QUAN NIỆM VỀ CÂU ..... 5

1.2. PHÂN LOẠI CÂU ..... 7

1.2.1. Phân loại câu dựa vào mục đích nói ..... 7

1.2.1.1. Câu nghi vấn ..... 7

1.2.1.2. Câu cầu khiến..... 8

1.2.1.3. Câu cảm thán..... 8

1.2.1.4. Câu trần thuật..... 8

1.2.2. Phân loại câu dựa vào cấu tạo ..... 9

1.2.2.1. Câu đơn ..... 9

1.2.2.2. Câu ghép..... 19

1.3. TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 ..... 20

**Chương 2: CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH” CỦA NHÀ VĂN SƠN TÙNG..... 21**

2.1. GIỚI THIỆU VỀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC CỦA NHÀ VĂN SƠN TÙNG VÀ TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH” ..... 21

2.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỐNG KÊ CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH” .....	22
2.2.1. Số lượng .....	22
2.2.2. Phân loại .....	23
2.3. VAI TRÒ CỦA CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH”. 24	
2.3.1. Câu đơn đặc biệt dùng làm lời gọi, đáp .....	24
2.3.2. Câu đơn đặc biệt góp phần thể hiện tâm trạng, tính cách nhân vật .....	25
2.3.3. Câu đơn đặc biệt miêu tả thiên nhiên.....	29
2.3.4. Câu đơn đặc biệt với thời gian và không gian trong tiểu thuyết.....	32
2.3.4.1. Câu đơn đặc biệt với không gian trong tiểu thuyết.....	32
2.3.4.2. Câu đơn đặc biệt với thời gian trong tiểu thuyết .....	35
2.4. TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 .....	40
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>41</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>43</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## **BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT**



1. CN: Chủ ngữ
2. KN: Khởi ngữ
3. PCN: Phụ chú ngữ
4. TN: Trạng ngữ
5. TTN: Tình thái ngữ
6. TV: Tiếng Việt
7. VN: Vị ngữ

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 1.1. Bảng phân loại câu đơn đặc biệt .....	13
Bảng 2.1. Bảng thống kê số lượng câu đơn đặc biệt được sử dụng trong tác phẩm “Búp sen xanh” .....	24

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Trong lĩnh vực ngôn ngữ, nghiên cứu về câu là một vấn đề quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc đối với ngữ pháp. Trong đời sống câu là đơn vị tạo lập văn bản và là phương tiện giao tiếp nhỏ nhất. Câu đơn đặc biệt là một trong những kiểu câu mang tính chất nghệ thuật và được sử dụng rất nhiều trong những tác phẩm văn chương. Cùng tồn tại song song với nó, có câu đơn và câu ghép góp phần tạo nên một hệ thống các kiểu câu hết sức đa dạng và phong phú. Người ta sử dụng câu đơn đặc biệt nhằm phục vụ cho mục đích dùng làm lời gọi, thể hiện tâm trạng, tính cách nhân vật, miêu tả thiên nhiên và đặc biệt nó rất có giá trị trong việc xác định thời gian và không gian trong tác phẩm nghệ thuật.

Văn học là nghệ thuật của ngôn từ. Ngôn từ là phương tiện vật chất của văn học. Do đó đi sâu tìm hiểu chất liệu ngôn từ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hiểu văn học. Mỗi tác phẩm nghệ thuật đều mang trong mình một thông điệp nhất định, chứa đựng ý nghĩa to lớn. Khi phân tích một tác phẩm, ta luôn phải tìm hiểu mục đích, nội dung và cách thức thể hiện của tác giả. Vì khi xây dựng tái hiện hình tượng nghệ thuật hay biểu đạt tư tưởng, các tác giả luôn sử dụng các phương tiện ngôn ngữ như các phép tu từ, các thủ pháp ngôn ngữ... Ở đây chúng ta không thể bỏ qua việc xây dựng kiểu câu theo ngụ ý riêng của tác giả. Việc sử dụng câu đơn đặc biệt trong sáng tác giúp người đọc như đang ở trong bối cảnh của câu chuyện, cảm nhận được nội dung của nó một cách chân thực và sinh động nhất.

Sơn Tùng là nhà văn có rất nhiều tác phẩm viết về đề tài Bác Hồ. Những tác phẩm của ông thường chứa đựng những nét mộc mạc, chân chất, giản dị. Ông đã có nhiều thành công và trở thành người tiên phong trong việc mở ra một xu hướng tiếp cận mới khi viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong số đó phải kể đến tác phẩm “Búp sen xanh”. Đây là tiểu thuyết kể về cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh từ lúc thơ ấu cho tới khi trưởng thành. Tác phẩm đạt

được sự thành công, ghi lại dấu ấn sâu đậm trong lòng thế hệ bạn đọc nhờ lối kể chân thực, xúc động về cuộc đời của Bác. Để làm nên những giá trị đó, không thể không nhắc tới ngôn từ. Và có thể nói việc sử dụng câu đơn đặc biệt trong tác phẩm “Búp sen xanh” đã góp phần giúp cho Sơn Tùng bộc lộ một niềm say mê, kính trọng, một tình yêu lớn lao dành cho vị cha già dân tộc. Với những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Bước đầu tìm hiểu câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của Sơn Tùng.*”

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Dưới góc độ ngôn ngữ học, đến nay đã có rất nhiều các công trình khoa học nghiên cứu về câu trên nhiều bình diện khác nhau của nhiều tác giả Việt ngữ học. Trong số đó phải kể đến một số tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Thiện Giáp, Diệp Quang Ban, Đỗ Hữu Châu, Hồ Lê, Hoàng Trọng Phiến, Cao Xuân Hạo, Nguyễn Kim Thân... Các tác giả đã đưa ra khái niệm, phân loại, đặc điểm, thành phần câu tiếng Việt nói chung và câu đơn đặc biệt nói riêng.

Bên cạnh đó, cũng đã có những công trình khoa học nghiên cứu chỉ ra giá trị vai trò của câu đơn đặc biệt trong việc sáng tạo tác phẩm văn học như: “*Hiệu quả nghệ thuật của câu đặc biệt trong truyện ngắn Nam Cao*” của Nguyễn Quang Mến; “*Khảo sát câu tỉnh lược và câu đặc biệt trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*” của Nguyễn Chúc Chi. Các công trình này đã dựa trên khái niệm, những đặc điểm chung nhất của câu đơn đặc biệt để thống kê, phân loại số lượng các câu đơn đặc biệt, từ đó chỉ ra giá trị của nó trong những tác phẩm nghệ thuật văn chương.

“Búp sen xanh” là một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Sơn Tùng. Có thể nói đây là một trong những tác phẩm thành công nhất khi viết về Bác. Từ khi ra đời cho đến nay nó đã được tái bản rất nhiều lần. Đồng thời theo tìm hiểu của chúng tôi có một số công trình nghiên cứu về tác phẩm này như “*Trường nghĩa không gian trong “Búp sen xanh” của Sơn Tùng và “Sương mù tháng giêng” của Ưông Triều*” của Giáp Thị Thu. Trong khóa luận tốt nghiệp này, tác giả đã chỉ ra những thành công về mặt ngôn ngữ và các trường nghĩa không gian của tiểu thuyết “Búp sen xanh”. Ngoài ra còn có

nhận xét của một số nhà nghiên cứu trên các trang báo điện tử khi viết về “Búp sen xanh”. Nhà văn Lê Phương Liên rất xúc động khi cầm trên tay cuốn bản thảo đầu tiên của cuốn tiểu thuyết “Búp sen xanh” đã từng nói: *“Chưa bao giờ tôi được đọc một cuốn sách rất hay nói về tuổi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh như vậy. Trước đây những cuốn sách về Bác Hồ chỉ là những mẩu chuyện về Bác, như tập “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” được kí tên Trần Dân Tiên. “Búp sen xanh” là cuốn tiểu thuyết có văn chương, với những trang văn xúc động mô tả cuộc sống thời thơ ấu của một cậu bé sinh trưởng ở vùng xứ Nghệ trong một gia đình nề nếp Nho giáo. Tác giả đã mô tả sống động không khí ở cả vùng Nghệ An giàu truyền thống yêu nước nuôi dưỡng ý chí của một nhân cách lớn, một lãnh tụ vĩ đại sau này”* [12]. Với nhà văn Lê Phương Liên, nhà văn Sơn Tùng: *“Là người đầu tiên đã viết tiểu thuyết lịch sử về một vị lãnh tụ mà từ trước đến nay, người ta thường tuyên truyền như một pho tượng thiếu sức sống. Trong tác phẩm của mình, ông đã dựng nên một hình ảnh rất đời thường, bình dị, “rất người” của một cậu bé, một chàng trai thành người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành”* [10]. Với một thứ ngôn từ vừa mộc mạc như đất, vừa vững chãi như núi, Sơn Tùng đã phác họa một cách sắc sảo, sống động và đầy chân thật những năm tháng đầu đời của vị cha già dân tộc Việt Nam bằng thể loại văn học đặc biệt gọi là tiểu thuyết lịch sử. Và chính câu đơn đặc biệt đã góp phần làm nên giá trị lịch sử của cuốn tiểu thuyết này. Những nghiên cứu trên sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích và cần thiết để chúng tôi triển khai thực hiện đề tài *“Bước đầu tìm hiểu câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của Sơn Tùng.”*

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Đề tài nghiên cứu về câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của Sơn Tùng để thấy được tài năng của nhà văn. Qua đó góp phần khẳng định vị trí của nhà văn đối với nền văn học Việt Nam nói chung, đặc biệt khi viết về đề tài Bác Hồ.

### **3.2. Nhiệm vụ**

- Nghiên cứu những lí thuyết về câu đơn đặc biệt: khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò.

- Khảo sát số lượng câu đơn đặc biệt, phân loại câu đơn đặc biệt, từ đó chỉ ra vai trò của chúng trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**4.1. Đối tượng:** Bước đầu tìm hiểu câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của Sơn Tùng.

**4.2. Phạm vi:** Khóa luận khảo sát câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” (1982) NXB Kim Đồng.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu khóa luận chúng tôi đã sử dụng những phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: Nghiên cứu khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò câu đơn đặc biệt.

- Phương pháp thống kê - phân loại: Thống kê và phân loại các câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Được sử dụng để phân tích hiệu quả việc sử dụng câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng. Từ đó khái quát vai trò của chúng trong tác phẩm.

### **6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn**

Khóa luận được hoàn thành sẽ có những đóng góp sau:

#### **6.1. Ý nghĩa khoa học**

- Thống kê và phân loại câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng. Từ đó chỉ ra giá trị, vai trò của chúng trong tác phẩm.

#### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

- Là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên và sinh viên chuyên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học nói riêng và những ai yêu mến các tác phẩm văn học của Sơn Tùng nói chung, nhất là các tác phẩm viết về Bác Hồ.

# Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 1.1. NHỮNG QUAN NIỆM VỀ CÂU

Hiện nay ở Việt Nam, tồn tại rất nhiều quan niệm về câu. Theo Diệp Quang Ban ngay từ những thế kỉ III - II trước công nguyên, trường phái ngữ pháp Alêcxangđria đã nêu định nghĩa về câu như sau “*Câu là sự tổng hợp của các từ biểu thị một tư tưởng trọn vẹn*” [2, tr.106]. Vì định nghĩa này đơn giản, dễ hiểu và hoàn chỉnh nên cho đến ngày nay vẫn được sử dụng khá phổ biến. Mặc dù vậy, định nghĩa về câu không dừng lại ở đó, trong quá trình nghiên cứu các tác giả đã đưa ra nhiều quan niệm về câu. Có thể kể đến một số quan niệm về câu dưới đây của các nhà Việt ngữ học.

Dựa trên quan điểm ngữ pháp chức năng, Cao Xuân Hạo đã đưa ra định nghĩa như sau “*Câu là đơn vị cơ bản của lời nói, của ngôn từ, của văn bản (Benveniste, 1961). Nó là đơn vị nhỏ nhất có thể sử dụng vào việc giao tế. Nói cách khác, câu là ngôn bản (văn bản) nhỏ nhất.*” [8, tr.27]

Trong cuốn “Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt”, các nhà Việt ngữ học cho rằng “*Câu là đơn vị của ngôn ngữ có cấu tạo ngữ pháp (bên trong và bên ngoài) tự lập và có ngữ điệu kết thúc, mang một tư tưởng tương đối trọn vẹn có kèm theo thái độ của người nói, giúp hình thành và biểu hiện, truyền đạt tư tưởng, tình cảm với tư cách là đơn vị thông báo nhỏ nhất.*” [6, tr.285]

Trong cuốn “Cơ sở ngôn ngữ học”, tác giả Nguyễn Thiện Giáp quan niệm “*Câu là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ biểu thị một ý trọn vẹn.*” [8, tr.191]

Trong cuốn “Dẫn luận ngôn ngữ học”, các tác giả xác định: “*Câu là đơn vị lời nói nhỏ nhất được dùng để giao tiếp.*” [7, tr.101]

Tác giả Diệp Quang Ban định nghĩa: “*Câu là đơn vị của nghiên cứu ngôn ngữ có cấu tạo ngữ pháp (bên trong và bên ngoài) tự lập và ngữ điệu kết thúc, mang một ý nghĩa tương đối trọn vẹn hay thái độ, sự đánh giá của*

*người nói, hoặc có thể kèm theo thái độ, sự đánh giá của người nói, giúp hình thành và biểu hiện, truyền đạt tư tưởng, tình cảm. Câu đồng thời là đơn vị thông báo nhỏ nhất bằng ngôn ngữ.” [2, tr.107]*

Qua một vài định nghĩa trên, có thể thấy các tác giả Việt ngữ học đã rất cố gắng đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh về câu trong đó chú ý những đặc điểm như sau: yếu tố hình thức, yếu tố nội dung, yếu tố chức năng, lĩnh vực nghiên cứu. Tuy nhiên thật khó để có thể đưa ra được một định nghĩa hoàn chỉnh và khái quát nhất về câu.

Vì vậy, các tác giả Việt ngữ trong cuốn Tiếng Việt 3 do Lê A chủ biên đã không đưa ra một định nghĩa ngắn gọn về câu mà chỉ chỉ ra những đặc điểm cơ bản như sau:

\* Về cấu tạo, chức năng:

*“Câu là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, là loại đơn vị không có sẵn trong ngôn ngữ, là sự kết hợp tự do của những đơn vị có sẵn (từ, cụm từ cố định) hoặc của những đơn vị không có sẵn (các kiểu cụm từ tự do). Về ngữ pháp câu là lời của phát ngôn, là đơn vị nhỏ nhất cấu tạo văn bản.” [1, tr.78-79]*

\* Về nội dung

Câu chứa đựng một nội dung thông báo, thể hiện một ý tương đối trọn vẹn. Nội dung đó có thể là:

- Hiện thực phản ánh tạo nên nghĩa miêu tả của câu.

- Quan hệ, thái độ của người nói với người nghe, sự đánh giá chủ quan của người nói... tạo nên nghĩa tình thái của câu.

\*Về hình thức:

- Khi nói câu có ngữ điệu kết thúc để thể hiện mục đích nói của câu.

- Khi viết chữ cái đầu âm tiết đầu câu được viết hoa, cuối câu có các dấu câu.



Trong khóa luận này, chúng tôi lựa chọn quan niệm về câu của giáo trình Tiếng Việt 3 do Lê A chủ biên. Bởi vì đây là giáo trình hiện đang được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Hoa Lư.

## **1.2. PHÂN LOẠI CÂU**

Tương tự như quan niệm về câu, việc phân loại câu cũng dựa trên rất nhiều tiêu chí khác nhau. Do đó sẽ có những kết quả khác nhau. Để phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp này, chúng tôi đi theo hướng phân loại câu tiếng Việt theo hai tiêu chí:

- Tiêu chí 1: Phân loại câu dựa vào mục đích nói.
- Tiêu chí 2: Phân loại câu dựa theo cấu tạo số lượng kết cấu chủ vị có trong câu.

Việc phân loại này dựa theo giáo trình Tiếng Việt 3 của Lê A (chủ biên). Ngoài ra để cho cụ thể hơn, trong phần câu đơn đặc biệt, có trình bày thêm quan điểm nghiên cứu của Diệp Quang Ban.

Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày kết quả của việc phân loại câu theo hai tiêu chí như trên.

### **1.2.1. Phân loại câu dựa vào mục đích nói**

Hoạt động giao tiếp luôn hướng tới mục đích nhất định. Các mục đích nói rất đa dạng, nhưng thường được ngôn ngữ học khái quát thành 4 mục đích cơ bản. Theo đó Lê A đã phân chia thành 4 kiểu câu: câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật.

#### ***1.2.1.1. Câu nghi vấn***

Câu nghi vấn (còn gọi là câu hỏi) là kiểu câu có chức năng chính biểu thị điều hoài nghi hay thắc mắc, cần được giải đáp nội dung đó bằng một câu trả lời.

Theo ý nghĩa biểu hiện thì ở câu nghi vấn, phần nghĩa miêu tả chứa sự việc hoài nghi, còn phần nghĩa tình thái chứa đòi hỏi giải đáp. Căn cứ vào nội dung và hình thức biểu hiện của câu có thể phân biệt câu nghi vấn tổng quát, câu nghi vấn chuyên biệt và câu nghi vấn lựa chọn.

Ví dụ: Con đã làm bài tập chưa? (Câu nghi vấn tổng quát)

Cái cặp sách này là của ai? (Câu nghi vấn chuyên biệt)

Bạn thích nghe nhạc hay đọc sách? (Câu nghi vấn lựa chọn)

#### **1.2.1.2. Câu cầu khiến**

Câu cầu khiến là câu có chức năng chính nhằm đòi hỏi người đối thoại (hay đòi hỏi bản thân người nói được giả định ở ngôi giao tiếp thứ hai) thực hiện một hành động hay một chuyển biến. Nội dung hành động, chuyển biến biểu hiện ở nòng cốt câu.

Ví dụ: Cả lớp mình hãy cùng cố gắng nào!

Về nhà thôi!

Hãy cùng nhau chung tay đẩy lùi dịch bệnh!

#### **1.2.1.3. Câu cảm thán**

Câu cảm thán là câu có chức năng chính bộc lộ cảm xúc, tình cảm. Câu cảm thán thường có các từ ngữ có ý nghĩa tình thái như: *ôi, ối, ủa, ái, ái chà, ái chà chà, chao ôi, thay, biết bao, xiết bao, biết mấy,...*

Ví dụ: Chao ôi đẹp quá!

Buồn ghê!

Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi! (Thế Lữ)

#### **1.2.1.4. Câu trần thuật**

Câu trần thuật là câu có chức năng chính dùng để kể, miêu tả, nhận định về một sự kiện, một hiện tượng.

Đối chiếu nội dung câu với hiện thực khách quan được trần thuật, với cách nhìn nhận, đánh giá của người nói, có thể chia câu trần thuật làm hai loại: câu khẳng định và câu phủ định.

Ví dụ: Bạn Minh không làm bài tập. (Câu trần thuật phủ định)

Phía ngoài khung cửa, hoa hồng tỏa hương thơm ngát. (Câu trần thuật khẳng định)

### **1.2.2. Phân loại câu dựa vào cấu tạo**

Lê A đã căn cứ vào số lượng kết cấu chủ vị nòng cốt, phân loại câu thành câu đơn và câu ghép.

#### **1.2.2.1. Câu đơn**

Trong câu đơn chia làm hai kiểu câu đơn hai thành phần và câu đơn đặc biệt.

##### **a. Câu đơn hai thành phần**

Câu đơn bình thường (còn gọi là câu đơn hai thành phần hoặc câu hai trung tâm cú pháp) được cấu tạo bằng kết cấu chủ vị nòng cốt.

Trong câu đơn bình thường, chủ ngữ và vị ngữ có mối quan hệ qua lại với nhau. Chủ ngữ biểu thị cái được thông báo, là sự vật, sự việc được nói đến hoặc là điểm xuất phát của cái thông báo được biểu thị ở vị ngữ. Vị ngữ biểu thị cái thông báo, là hành động, trạng thái, tính chất, đặc điểm, quan hệ,... của sự vật sự việc được biểu thị ở chủ ngữ.

- Nếu chỉ có hai thành phần của nòng cốt thì câu được gọi là câu đơn tối thiểu.

Ví dụ: Trời mưa .

CN VN

Lao động mang lại cho mọi người kho báu.

CN

VN

- Nếu có các thành phần phụ thì câu được gọi là câu đơn mở rộng thành phần hoặc câu mở rộng nòng cốt.

+ Trạng ngữ chỉ thời gian

Ví dụ: Buổi sáng, đôi bạn thường rủ nhau đi học.

TN            CN            VN

Cuối năm học, cả lớp bàn tán về điểm thi và phần thưởng. (TV2, tập 1)

TN            CN            VN

Bây giờ, cô sẽ trao một phần thưởng đặc biệt. (TV2, tập 1)

TN    CN            VN

+ Trạng ngữ chỉ nguyên nhân/ mục đích/ cách thức

Ví dụ: Một bông cho em, vì trái tim nhân hậu của em. (TV2, tập 1)

CN    VN            TN chỉ nguyên nhân

+ Khởi ngữ

Ví dụ: Điều ấy, Hoa Mi chưa thổ lộ bao giờ.

KN            CN            VN

Tôi thì tôi không nói ra như thế.

KN    CN            VN

+ Phụ chú ngữ (Giải ngữ)

Ví dụ: Chú ta đã trở thành một thiếu niên, đúng vào cái tuổi hăng hái,

CN            VN            PCN

vui tươi và yêu đời.

PCN

+ Tình thái ngữ

Ví dụ: Chao ôi, bão táp thật là tàn nhẫn.

TTN      CN      VN

Quả nhiên chú ngựa con vui vẻ chạy lại.

TTN      CN      VN

\* Phân loại câu đơn hai thành phần: Căn cứ vào mối quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ, căn cứ vào nội dung biểu đạt của câu, Lê A chia thành bốn loại câu: câu hành động, câu trạng thái, câu tính chất và câu quan hệ.

- Câu hành động

Ví dụ: Những chú chim hót líu lo.

CN      VN

- Câu trạng thái

Ví dụ: Mưa đang ngớt dần.

CN      VN

- Câu tính chất

Ví dụ: Cái cặp này rất đẹp.

CN      VN

- Câu quan hệ

Ví dụ: Con cái là hi vọng của cha mẹ.

CN      VN

b. Câu đơn đặc biệt

\* Theo quan điểm của giáo trình Tiếng Việt 3 do Lê A (chủ biên)

*“Câu đơn đặc biệt (còn được gọi là câu đơn một thành phần hoặc câu một trung tâm cú pháp) có nòng cốt là một từ, cụm từ chính phụ hay cụm từ đẳng lập.” [1, tr.89]*

Lê A đã dựa vào nội dung biểu đạt và mục đích sử dụng của câu, có thể phân chia câu đặc biệt thành ba kiểu chính: câu gọi đáp, câu cảm thán và câu tồn tại.

- Câu gọi, đáp

Kiểu câu này dùng làm lời gọi hay lời đáp, được tạo thành bởi tình thái từ gọi, đáp, danh từ hoặc kết hợp danh từ và tình thái từ gọi, đáp.

Ví dụ: Anh!

Bác ơi!

Dạ.

- Câu cảm thán

Kiểu câu này dùng để biểu thị hay bộc lộ cảm xúc, được tạo thành bởi tình thái từ (chủ yếu là thán từ), từ ngữ có nội dung biểu thị cảm xúc hay kết hợp từ ngữ + tình thái từ biểu thị cảm xúc.

Ví dụ: Ôi!

Chết mất thôi!

*Chao ôi!* Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào. (TV4, tập 1)

- Câu tồn tại

Căn cứ vào đặc điểm từ loại của từ ngữ làm nòng cốt câu, Lê A chia câu đặc biệt tồn tại thành hai kiểu:

+ Câu đặc biệt - danh từ có trung tâm cú pháp chính là danh từ, cụm danh từ (đẳng lập và chính phụ). Ý nghĩa khái quát nhất của câu đặc biệt danh từ là chỉ sự tồn tại hiển hiện của vật, nêu lên vật, hiện tượng như đang bày ra trước mắt xuất hiện tại thời điểm đó.

Ví dụ: Anh Kim. (Nam Cao)

Bom tã. (Nguyễn Đình Thi)

Hồi ấy, trong vùng xuất hiện một con yêu tinh chuyên bắt người và súc vật. (Truyện cổ dân tộc Tày)

Một thứ hoa hồng xanh biếc, vương vấn. (Nguyễn Tuân)

+ Câu đặc biệt - vị từ có trung tâm cú pháp chính là động từ, tính từ, cụm động từ, cụm tính từ (đẳng lập và chính phụ). Ý nghĩa khái quát nhất của câu đặc biệt - vị từ là nêu sự tồn tại của hành động, trạng thái, tính chất, hay biểu thị một cảm xúc, một mệnh lệnh.

Ví dụ: Òn ào một hồi lâu. (Ngô Tất Tố)

Muộn quá!

Khuya. (Phan Sĩ Châu)

Tiếng giật cửa của lão Quên làm người sống choàng thức. Đó là người đàn bà tuổi dòng dòng. *Cao và gầy. Hóc hác và lòi thoi.* (Nguyễn Khắc Trường) (TV5, tập 1)

Từ những phân nêu trên, chúng tôi đã tóm tắt các loại câu đơn đặc biệt theo quan điểm của Lê A trong bảng dưới đây:

**Bảng 1.1. Bảng phân loại câu đơn đặc biệt**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Các loại câu đơn đặc biệt</b>	
Dựa vào nội dung biểu đạt và mục đích sử dụng của câu	Câu gọi đáp Ví dụ: Mẹ ơi!	
	Câu cảm thán: Ví dụ: Thôi chết!	
	Câu tồn tại	Câu đặc biệt - danh từ Ví dụ: Đứng trước là con sông.
		Câu đặc biệt - vị từ Ví dụ: Vỡ cốc.

\* Theo quan điểm của Diệp Quang Ban

*“Câu đơn đặc biệt là kiến trúc có một trung tâm cú pháp chính (có thể thêm một trung tâm cú pháp phụ), không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ với vị ngữ.” [2, tr.153]*

Câu đơn đặc biệt phân biệt với câu đơn hai thành phần chính là ở chỗ nó là một kiến trúc tự thân chứa một trung tâm cú pháp chính, không đòi hỏi phải thêm một trung tâm cú pháp chính nào khác. Hơn nữa, trong nó không cần và không thể xác định đâu là chủ ngữ, đâu là vị ngữ. Mặt khác vì tồn tại trong hoàn cảnh sử dụng của mình nên câu đơn đặc biệt tự nó đủ cho người ta hiểu nó, đây là chỗ câu đơn đặc biệt khác với câu đơn hai thành phần vắng chủ ngữ hay vắng vị ngữ.

Dựa theo bản tính từ loại của từ - thành tố chính, Diệp Quang Ban phân chia câu đơn đặc biệt thành hai kiểu lớn (không kể những kiểu nhỏ là câu đặc biệt - thán từ, câu đặc biệt - phủ định từ): câu đặc biệt - danh từ, câu đặc biệt - vị từ.

- Câu đặc biệt - danh từ: có trung tâm cú pháp chính là danh từ, hoặc cụm danh từ (đẳng lập hoặc chính phụ)

Ví dụ: Mẹ!

Đằng trước là con sông.

Nắng. (Sơn Tùng)

Hai vợ chồng gì! (Nam Cao)

Giời nào? Đất nào? (Nguyễn Hồng)

Ý nghĩa khái quát nhất của câu đơn đặc biệt - danh từ là chỉ sự tồn tại hiển nhiên của vật, làm cho sự vật hiện tượng như đang bày ra trước mắt chúng ta. Do đó, câu đặc biệt - danh từ thường được dùng trong những trường hợp sau đây:

+ Miêu tả sự tồn tại hiển hiện, sự xuất hiện của vật, hiện tượng, nêu hoàn cảnh không gian, thời gian, xác nhận sự hiện diện một cảm xúc... nhằm



đưa người đọc vào cương vị người chứng kiến, làm sống lại những sự vật, cảm xúc ấy.

+ Nêu sự hiện diện của các hiện tượng thiên nhiên mà trong nhiều trường hợp được dùng làm cái hoàn cảnh nền cho sự kiện khác nêu ở những câu xung quanh.

+ Dùng làm câu cảm thán để xác nhận một hiện trạng tâm lí, để nói lên thái độ đánh giá hay tâm trạng hiện hữu liên quan đến vật, hiện tượng được gọi tên bằng danh từ trong câu, hoặc để gọi tên vật như một nhu cầu tâm lí, sinh lí.

+ Dùng làm lời gọi.

+ Dùng làm biển đề tên các cơ quan, địa điểm cần cho người ta biết, tên các báo, tạp chí, sách...

+ Dùng nêu tên thời gian, miền đất, cảnh vật trong nhật kí, kịch bản, phóng sự...

- Câu đặc biệt - vị từ có trung tâm cú pháp chính là động từ, tính từ hay cụm động từ, cụm tính từ (đăng lập và chính phụ).

Ví dụ: Trên bàn có hai quyển sách.

Còn trẻ.

Đổ cây.

Câu đặc biệt - vị từ thường được dùng với các ý nghĩa khái quát sau đây:

+ Chỉ sự tồn tại hiển hiện, sự xuất hiện của sự kiện. Câu đặc biệt vị từ trước hết, tương tự câu đặc biệt danh từ, có ý nghĩa tồn tại hiển hiện, ý nghĩa xuất hiện, tức là nêu lên sự kiện đang bày ra, vừa xuất hiện trước mắt, đưa người đọc, người nghe đến với sự kiện như người ta đang chứng kiến.

Ví dụ: Vỡ đê!

+ Chỉ sự tồn tại khái quát. Khi vị từ là những từ chuyên dụng với ý nghĩa tồn tại như: “*còn, có*” những tính từ chỉ lượng như: “*nhiều, ít*” và câu được tạo theo khuôn “*vị từ + danh từ*” không kèm yếu tố ngôn ngữ chỉ vị trí,

thì câu mang ý nghĩa tồn tại một cách khái quát, không cụ thể, chỉ nói chung chung về sự tồn tại của vật.

Ví dụ: Còn trẻ.

Có hoa.

Nhiều lựa chọn quá.

+ Chỉ sự tồn tại định vị. Câu đặc biệt vị từ chỉ sự tồn tại định vị là câu có khuôn hình chung “*Giới ngữ chỉ không gian + vị từ + danh từ*”.

Tại vị trí vị từ có thể xuất hiện 5 lớp từ sau đây:

Những từ chuyên dụng với ý nghĩa tồn tại như: *có, còn...*

Những từ tượng thanh, tượng hình như: *róc rách, lục sục, lác đác, lôm đôm, lom khom...*

Những tính từ chỉ lượng như: *nhiều, ít, đông, đầy, vắng, thưa...*

Những từ chỉ trạng thái tĩnh như: *ngồi, mọc (= “đang có”)*...

Những từ vốn là động từ ngoại động chuyển thành động từ chỉ trạng thái, tư thế tồn tại như: *trông, bày, đặt, để, treo, kết...*

+ Chỉ sự xuất hiện và tiêu biến (biến hiện). Câu đặc biệt vị từ chuyên dụng chỉ sự xuất hiện và tiêu biến có khuôn hình “*trạng ngữ không gian / thời gian + vị từ + danh từ*”. Tại vị trí vị từ là những động từ chỉ sự xuất hiện, sự tiêu biến, một số động từ tự dờn chuyển (*đi, chạy, ló, nhô...*), từ chỉ âm thanh và từ tượng hình thích hợp.

Ví dụ: Xa xa lấp lánh ánh đèn.

Như vậy, câu đặc biệt - vị từ chuyên dụng chỉ sự biến hiện có chung khuôn hình khái quát với câu đặc biệt tồn tại định vị, chỗ khác chỉ là cùng với trạng ngữ không gian còn có thể xuất hiện trạng ngữ thời gian. Với 4 kiểu ý nghĩa khái quát nêu trên câu đặc biệt vị từ thường được dùng trong những trường hợp sau đây:

+ Miêu tả sự tồn tại hiển hiện, sự xuất hiện của sự kiện, xác nhận sự hiện diện của trạng thái... nhằm làm sống lại hành động, trạng thái, làm cho chúng có vẻ như đang diễn ra trước mắt người đọc, người nghe.

Ví dụ: Trên đỉnh núi cao.

+ Miêu tả sự kiện như bức tranh tĩnh vật (nhất là với kiểu ý nghĩa tồn tại định vị). Hoặc ghi lại sự kiện như cố định hoạt động sống trong bức ảnh chụp.

Ví dụ: Trong sân có chiếc xe đạp.

+ Ghi nhận sự xuất hiện và tiêu biến của sự vật (thường bất ngờ).

Ví dụ: Bỗng nhô lên một cánh tay.

+ Nêu sự kiện có thể cấp thời xảy ra để cảnh cáo người nghe có nguy cơ lâm vào tình trạng đó.

Ví dụ: Bắn tay!

Hông xe!

+ Dùng làm câu cảm thán.

Ví dụ: Áy chết!

+ Dùng làm lời gọi đáp.

Ví dụ: Mai ơi!

Qua những phần trình bày trên có thể nhận thấy một số điểm cần chú ý như sau:

+ Câu đơn đặc biệt có thể có thành phần phụ của câu. Trong kiểu câu có ý nghĩa tồn tại định vị, thành phần phụ là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời.

Ví dụ: *Giữa giường thất bảo* ngồi trên một bà. (Nguyễn Du)

*Trước nhà* trồng hai cây bưởi.

+ Khi đứng trong cấu trúc lớn hơn, câu đơn đặc biệt có thể (nhưng không nhất thiết) biến thành thành phần phụ của câu.

Ví dụ: *Buổi trưa*. (Câu đặc biệt)

*Buổi trưa*, mọi người đi làm đồng về. (Thành phần phụ của câu)

+ Có một số trường hợp không phân biệt được câu đơn đặc biệt là câu danh từ hay vị từ, vì bản tính từ loại của từ đang xét không rõ. Chủ yếu là câu chỉ hiện tượng thời tiết.

Ví dụ: Gió! Gió! (Sơn Tùng)

Đến đây có thể nhận thấy tuy Diệp Quang Ban chỉ phân loại câu đơn đặc biệt thành hai loại lớn nhưng vẫn đề cập đến câu đơn đặc biệt thán từ và câu đơn đặc biệt phủ định từ. Ngoài ra trong phần nêu các trường hợp sử dụng câu đơn đặc biệt danh từ, câu đơn đặc biệt vị từ có đưa ra trường hợp các câu đơn đặc biệt trên dùng làm lời gọi, đáp, dùng làm câu cảm thán. So sánh với quan điểm của Lê A chúng ta thấy có sự trùng nhau. Do vậy, những đặc điểm cụ thể hơn về câu đơn đặc biệt nêu trên của Diệp Quang Ban đã bổ sung cho những quan điểm nghiên cứu về câu đơn đặc biệt của Lê A.

\* Phân biệt câu đơn đặc biệt với câu rút gọn

- Câu rút gọn

+ Về bản chất câu rút gọn là câu đơn có đủ thành phần chủ - vị nhưng khi sử dụng người ta lược bỏ đi một số thành phần như chủ ngữ, vị ngữ hoặc lược bỏ cả chủ ngữ và vị ngữ.

+ Dựa vào hoàn cảnh, có thể xác định được từ hoặc cụm từ bị rút gọn là thành phần gì trong câu.

+ Câu rút gọn có thể khôi phục lại thành phần đã bị lược bỏ trong câu thành câu hoàn chỉnh, đầy đủ.

Ví dụ: Cậu có đi học không? *Không đi.* (*Không đi* là câu rút gọn)

- Câu đặc biệt:

+ Câu đặc biệt là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.

+ Từ hoặc cụm từ trong câu đặc biệt làm trung tâm cú pháp của câu không thể xác định được từ hoặc cụm từ đó làm thành phần nào trong câu.

+ Câu đặc biệt không thể khôi phục lại được.

Ví dụ: Nắng nóng quá! *Lại nắng.* Thật mệt mỏi.

Trời tối sầm lại. *Mưa! Mưa!*

Câu đặc biệt tuy có hình thức giống câu rút gọn, nhưng không phải là câu rút gọn, vì trong câu đặc biệt, không có bộ phận nào (của một câu đầy đủ) bị lược bỏ như trong câu rút gọn.

### 1.2.2.2. Câu ghép

“Câu ghép là câu có từ hai kết cấu chủ vị nòng cốt trở lên, mỗi kết cấu là một vế câu, nêu lên một sự việc; các sự việc trong câu ghép có quan hệ nghĩa với nhau, quan hệ nghĩa đó được thể hiện bằng một quan hệ ngữ pháp nào đó.” [1, tr.90]

Câu ghép thường được phân loại thành câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ dựa vào mối quan hệ ngữ pháp giữa các vế câu. Trong khóa luận này, chúng tôi lựa chọn quan điểm phân loại câu ghép của Lê A.

Căn cứ vào sự vắng mặt hay có mặt của từ ngữ làm phương tiện liên kết các vế câu, có thể phân câu ghép thành: câu ghép không dùng từ ngữ liên kết các vế câu và câu ghép có dùng từ ngữ liên kết các vế câu.

- Câu ghép không dùng từ ngữ liên kết các vế câu

Ở kiểu câu ghép này, quan hệ giữa các vế câu không được đánh dấu bằng từ ngữ liên kết mà được thể hiện chủ yếu qua trật tự các vế câu; trong những câu ghép kiểu này, hai vế câu được ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy, dấu chấm phẩy hay dấu hai chấm.

Căn cứ vào mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, có thể phân biệt một số kiểu câu ghép không dùng từ ngữ làm phương tiện liên kết các vế câu như sau:

+ Câu ghép chỉ quan hệ đối ứng

Ví dụ: Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

CN VN CN VN

+ Câu ghép chỉ quan hệ liệt kê

Ví dụ: Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. (Hồ Chí Minh)

CN VN CN VN CN VN

+ Câu ghép chỉ quan hệ thuyết minh, giải thích

Ví dụ: Bầu trời hôm nay xám xịt, trời sẽ mưa rất to.

CN VN CN VN

- Câu ghép có dùng từ ngữ liên kết các vế câu

Ở những câu ghép kiểu này, các vế câu được nối với nhau bằng quan hệ từ, cặp quan hệ từ, cặp phụ từ hoặc cặp đại từ hô ứng.

+ Câu ghép dùng quan hệ từ làm phương tiện liên kết các vế câu

Ví dụ: Do dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp nên nhà nước cần có

CN

VN

CN

nhiều biện pháp đối phó.

VN

+ Câu ghép dùng cặp phụ từ hô ứng làm phương tiện liên kết các vế câu

Ví dụ: Không những Lan học giỏi mà ban ấy còn hay giúp đỡ mọi người.

CN

VN

CN

VN

+ Câu ghép dùng cặp đại từ hô ứng làm phương tiện liên kết các vế câu

Ví dụ: Chị bảo sao thì tôi nghe vậy.

CN VN

CN

VN

### 1.3. TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương 1, chúng tôi đã trình bày những quan niệm về câu, phân loại câu. Đặc biệt chúng tôi có chú ý đến khái niệm phân loại câu đơn đặc biệt theo quan điểm của giáo trình Tiếng Việt 3 và quan điểm của Diệp Quang Ban. Câu đơn đặc biệt có nòng cốt là một từ, cụm từ chính phụ hay cụm từ đẳng lập. Nó không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ với vị ngữ. Câu đơn đặc biệt có thể dùng làm lời gọi đáp, miêu tả thiên nhiên, thể hiện tâm trạng tính cách, tâm trạng nhân vật, ngoài ra nó còn xác định được không gian và thời gian trong tiểu thuyết. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng giúp chúng tôi tiếp tục triển khai nội dung nghiên cứu chương 2. Chúng tôi sẽ áp dụng những lý thuyết nêu trên vào việc nghiên cứu câu đơn đặc biệt trong một văn bản cụ thể - tiểu thuyết “Búp sen xanh” của nhà văn Sơn Tùng.

## **Chương 2**

### **CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH” CỦA NHÀ VĂN SƠN TÙNG**

#### **2.1. GIỚI THIỆU VỀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC CỦA NHÀ VĂN SƠN TÙNG VÀ TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH”**

Sơn Tùng tên thật là Bùi Sơn Tùng, sinh năm 1928 tại Nghệ An trong một gia đình nhà nho nghèo, ông mất ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Hà Nội. Trưởng thành trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ cứu nước của dân tộc, ông là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn học cách mạng Việt Nam. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông đã dành được rất nhiều giải thưởng lớn. Năm 2011, ông đã được phong tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Sơn Tùng được xem là người đầu tiên trên văn đàn Việt Nam mở ra một hướng mới khi viết về Bác Hồ, không phải xuất phát từ cái nhìn về một vị lãnh tụ, mà từ một con người bình dị, một con người mang tâm hồn dạt dào của người dân xứ Nghệ. Đến nay, ông có hơn chục tác phẩm viết về Bác Hồ, với một hệ thống tư liệu gốc về gia đình, quê hương, về tuổi thơ, những mối quan hệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời trẻ. Có thể kể đến một số tác phẩm mà nhà văn Sơn Tùng viết về Bác Hồ như: “Búp sen xanh”, “Từ làng sen”, “Thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh”, “Sáng ánh tâm đặng Hồ Chí Minh”, “Bác về”, “Bông sen vàng”, “Hoa râm bụt”... Trong số các tác phẩm mà Sơn Tùng viết về Bác Hồ, tiểu thuyết “Búp sen xanh” viết về tuổi thơ, thời niên thiếu và tuổi đôi mươi của Người là nổi tiếng nhất. Đây là tác phẩm xuất sắc nhất của văn học Việt Nam kể lại một cách chân thực, cảm động và trọn vẹn về cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh từ lúc thơ ấu đến khi trưởng thành.

Kể từ ngày ra mắt vào năm 1982 đến nay, tiểu thuyết “Búp sen xanh” liên tục được tái bản tới 30 lần, với gần một triệu bản in chính thức đã ra mắt độc giả. Tác phẩm đã được dịch sang 6 ngôn ngữ khác nhau: Anh, Pháp, Tây Ban

Nha, Nga, Trung Quốc, Lào. Trong tác phẩm “Búp sen xanh” Sơn Tùng đưa người đọc trở về với làng quê xứ Nghệ của những năm đầu thế kỉ XX, nơi ấy có những cảnh vật thật yên bình, có những đầm sen rộng bát ngát, xanh mát, ngan ngát hương thơm xua tan những oi bức, ngọt ngào của buổi trưa hè. Đây là một miền quê rất giàu truyền thống: đó là truyền thống nhân nghĩa, truyền thống hiếu học và truyền thống yêu nước nồng nàn. Đó là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn và nhân cách cao đẹp của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành, nơi ấy là làng Sen quê nội, làng Chùa quê ngoại, với những câu ca dao, những điệu ví dặm mượt mà đắm thắm, nồng ấm tình người. Theo dấu chân trưởng thành của chàng thanh niên ấy, người đọc cũng được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của kinh đô Huế cổ kính man mác buồn, dòng sông Hương lững lờ với những điệu hát, đình Dương Nỗ, trường Đông Ba và rất nhiều địa danh nổi tiếng khác. Và có thể nói việc sử dụng câu đơn đặc biệt trong tác phẩm “Búp sen xanh” đã phần nào giúp cho Sơn Tùng bộc lộ sự say mê, kính trọng, thể hiện một tình yêu lớn lao dành cho vị cha già dân tộc. Đồng thời nó cũng góp phần tái hiện lại một bức tranh sinh động, chân thực về khung cảnh đất nước Việt Nam đầu thế kỉ XX.

## **2.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỐNG KÊ CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH”**

### **2.2.1. Số lượng**

Dựa vào phần lý luận ở chương 1, chúng tôi đã tiến hành khảo sát số lượng câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh”. Kết quả có 149 câu đơn đặc biệt được thống kê cụ thể trong phần phụ lục của khóa luận. Với tổng số lần xuất hiện là 257 lần.

Trong số đó, có những câu được sử dụng lặp đi lặp lại rất nhiều lần.

Ví dụ: Câu “*Cha ơi!*” Với 8 lần xuất hiện.

Câu “*Ồ*” Với 14 lần xuất hiện.

Câu “*Trời đất!*” Với 8 lần xuất hiện.



Với việc sử dụng các câu đơn đặc biệt được lặp lại với tần xuất cao, ta có thể thấy rằng tác giả muốn ngụ ý nhấn mạnh để thể hiện được tính cách, tâm lí của nhân vật xuyên suốt cả câu truyện. Đây cũng chính là nét riêng của nhà văn Sơn Tùng.

### 2.2.2. Phân loại

Các câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” được phân loại dựa theo phân lý luận ở chương 1 cụ thể như sau:

+ Câu gọi đáp:

Ví dụ: Mẹ ơi!

Cha ơi!

Bầm quan lớn!

+ Câu cảm thán:

Ví dụ: Trời đất!

Quý hóa quá!

Ôi cha!

+ Câu tồn tại

• Câu đặc biệt - danh từ

Ví dụ: Quan phó bảng.

Đêm yên tĩnh.

• Câu đặc biệt - vị từ

Ví dụ: Đêm sang canh.

Gió!

Bảng phân loại dưới đây sẽ cho thấy rõ hơn về tỷ lệ xuất hiện của các loại câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết.

**Bảng 2.1. Bảng thống kê số lượng câu đơn đặc biệt được sử dụng trong tác phẩm “Búp sen xanh”**

<b>STT</b>	<b>Các loại câu đơn đặc biệt</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ (%)</b>
<b>1</b>	Gọi đáp	58	39%
<b>2</b>	Cảm thán	43	29%
<b>3</b>	Tồn tại	48	32%
<b>Tổng</b>		149	

Trong số các câu đơn đặc biệt nói trên, câu đơn đặc biệt dùng làm lời gọi chiếm tỷ lệ cao nhất. Tiếp theo là câu tồn tại. Câu cảm thán chiếm tỷ lệ thấp nhất. Điều này là hoàn toàn hợp lý vì lời gọi đáp là những lời trao đổi đối thoại giữa các nhân vật nên sẽ xuất hiện nhiều.

### **2.3. VAI TRÒ CỦA CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT “BÚP SEN XANH”**

#### **2.3.1. Câu đơn đặc biệt dùng làm lời gọi, đáp**

Trong giao tiếp hằng ngày việc sử dụng những lời gọi đáp sẽ giúp cho quá trình giao tiếp được diễn ra tự nhiên, cởi mở, lịch sự... Tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp mà các nhân vật giao tiếp sẽ sử dụng lời gọi đáp như thế nào cho thật phù hợp, hiệu quả.

Mỗi miền sẽ có những đặc trưng riêng biệt trong cách sử dụng từ, cũng như cách xưng hô giữa mọi người trong gia đình và ngoài xã hội. Trong tác phẩm “Búp sen xanh” tác giả đã khắc họa phần nào được những đặc trưng văn hóa của dải đất miền Trung bằng những câu gọi đáp rất gần gũi và thân thương.

Qua khảo sát chúng tôi thấy rằng tác giả sử dụng 58 câu đơn đặc biệt dùng làm lời gọi, đáp chiếm tỉ lệ cao nhất trong tiểu thuyết. Những câu đơn đặc biệt dùng làm lời gọi như: “*Bà ơi*”, “*Cha ơi!*”, “*Các chú ơi*”, “*Mẹ ơi!*”, “*Cháu ơi*”, “*Cô ơi*”, “*Cháu Thanh!*”, “*Cháu Tất Thành!*”, “*Loan ơi*”, “*Anh Ba ơi*”... Bên cạnh đó tác giả cũng sử dụng những câu đơn đặc biệt dùng làm

lời đáp như: “*Đạ..*”, “*Thưa...*”, “*Không dám.*”, “*Ừ ừ*”... Tác giả đã dùng những câu xưng hô hết sức thân quen và được sử dụng hằng ngày trong cuộc sống thường nhật của người Việt Nam. Gia đình là một nơi đặc biệt, nơi hình thành và nuôi dưỡng nhân cách con người. Dù ở bất cứ nơi đâu, bất luận trong hoàn cảnh nào thì gia đình vẫn là sợi dây vĩnh cửu gắn kết các thành viên. Câu gọi đáp không những thể hiện sự tôn trọng đối với người nghe mà nó còn thể hiện được tình cảm, yêu thương gửi gắm trong đó.

Nó còn thể hiện được cách ứng xử, nếp sống truyền thống văn hóa của gia đình. Bác được sinh ra trong một gia đình có truyền thống nho học, có lễ giáo, có khuôn phép. Cách xưng hô gọi đáp như vậy được hình thành từ lúc bé Côn còn nhỏ và duy trì cho đến lúc trưởng thành. Sau này có lúc làm thầy giáo hay phu khuân vác thì cách gọi đáp xưng hô của Nguyễn Tất Thành với mọi người vẫn rất gia giáo, lịch sự, không hề thay đổi.

Cách nói lịch sự, gia giáo như vậy còn được dùng để làm lời gọi đáp giữa rất nhiều nhân vật trong tác phẩm. Nó chứng tỏ một điều: “*Qua văn học ta có thể nghe thấy tiếng nói của mọi tầng lớp người ở các thời đại khác nhau, các giọng điệu khác nhau. Văn học giữ lại những lời nói, từ vựng, ngữ điệu, cách nói gắn liền với văn hóa phong tục, đời sống tình cảm, tư tưởng của một thời.*” [7, tr.102]

### **2.3.2. Câu đơn đặc biệt góp phần thể hiện tâm trạng, tính cách nhân vật**

Qua khảo sát, trong tiểu thuyết tác giả đã sử dụng 43 câu đơn đặc biệt để góp phần thể hiện tâm trạng, tính cách nhân vật. Câu cảm thán có tác dụng thể hiện các mức độ tình cảm khác nhau, thái độ đánh giá, những trạng thái tinh thần của người nói đối với sự vật hay sự kiện mà câu nói đề cập hay ám chỉ. Câu đơn đặc biệt dùng với chức năng cảm thán thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhân vật với những cung bậc cảm xúc khác nhau như vui mừng, lo lắng, buồn bã, thất vọng... Qua đó nó cũng thể hiện được một phần nào tính cách của nhân vật.

a. Câu đặc biệt cảm thán thể hiện sự vui mừng, ngạc nhiên

Dù chỉ là những cái vui thoáng qua hay sự ngạc nhiên bất chợt vì một điều gì đó của các nhân vật cũng được nhà văn phản ánh thông qua một số câu đơn đặc biệt. Đoạn văn dưới đây sẽ cho người đọc thấy rõ hơn điều đó.

“Nguyễn Sinh Sắc đem lại sự ngạc nhiên cho thầy. Và thầy tú Vương cầm tay học trò Nguyễn Sinh Sắc xem đường vân dạng. Thầy tâm tặc: “*Đúng. Rất đúng. Con nòi. Nòi cầm ca. Nòi nhà ngọc phun châu. Nòi cô Đền. Tài hoa lắm. Con gắng học. Con sẽ làm nên nếu con có chí học. Mỗi chữ là một con mắt. Người không có chữ trong đầu là người mù giữa thế gian.*” [9, tr.39]

Làm theo lời cha dặn lúc hấp hối, anh trai đã cho Nguyễn Sinh Sắc đi học ở nhà thầy tú Vương. Từ những buổi học đầu tiên thầy tú Vương đã nhận thấy được Nguyễn Sinh Sắc là một cậu học trò sáng dạ, chăm chỉ và có chí hướng.

Để thể hiện sự ngạc nhiên, vui mừng, khen ngợi của thầy tú Vương với học trò Nguyễn Sinh Sắc tác giả đã sử dụng một loạt câu đơn đặc biệt: “*Đúng.*”, “*Rất đúng.*”, “*Tài hoa lắm.*”. Vui mừng ngạc nhiên bao nhiêu ông tú Vương lại đặt nhiều niềm tin vào học trò của mình bấy nhiêu. Và quả thật học trò Nguyễn Sinh Sắc đã không phụ công ơn dạy dỗ của thầy.

Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông đồ Hoàng Xuân Đường và học trò Nguyễn Sinh Sắc đã đánh dấu mốc quan trọng cuộc đời của cậu bé, cậu được thầy đồ đón về nuôi ăn học. Ông đã đặt rất nhiều niềm tin vào cậu.

“Ra khỏi làng Sen, Sắc ngoái lại nhìn mái nhà mình thấp thoáng sau bóng tre, cổ ghì nước mắt. Sắc ôm choàng ngang người ông đồ, giọng hơi lạc, run run:

- *Ông ơi!* Ông đón cháu về nuôi cho cháu ăn học à? Thật vậy ông?

- Nói dối trẻ con là một trọng tội. Ông sẽ dạy cháu học. Cháu muốn học bao lâu ta cũng không ngăn cản.

Bé Sắc quỳ hẳn xuống đất, chắp tay như sắp vái lạy:

- *Ôi sung sướng! Sung sướng!* Con không còn cha mẹ! *Ông ơi!* Cho con được gọi ông là cha của con. Có thể trời phật đã phù hộ cho con chăng?” [9, tr.44]

Một đứa trẻ mất cha mẹ từ nhỏ, khi cảm nhận được tình thương mà ông đồ dành cho, cậu ngạc nhiên rồi vui sướng tột cùng. Tác giả đã sử dụng câu đơn đặc biệt “*Ôi sung sướng! Sung sướng!*” để thể hiện thật sinh động tâm trạng của cậu bé Sắc. Một sự thật không thể ngờ tới, cậu bé Sắc không thể nghĩ rằng nó lại đến với mình.

Câu đơn đặc biệt còn được sử dụng trong đoạn trích kể lại sự kiện bé Côn và bé Khiêm lần đầu được nhìn thấy biển lúc trên đường vào kinh đô Huế cùng cha mẹ.

“Bé Côn trầm trồ nhìn về phía chân trời xa:

- *Cha ơi cha! Cái ao... cái ao lớn quá!*

Anh Sắc cười bảo:

- *Biển đó con ơi.*

Khiêm cũng nhìn theo hướng nhìn của em và quên cả bóng râm trên hai chân, la to:

- *Ồ... biển! Biển!*

Côn lại chỉ trỏ:

- *Ồ! Bò... con bò to lội trên biển!*

Anh Sắc cười. Chị Sắc càng không nén được tức cười về cái nhìn ngộ nghĩnh của con. Anh Sắc giải thích:

- Không phải bò đâu, con ơi! *Thuyền đó*. Thuyền chạy bằng buồm theo chiều gió... Con nhớ chưa?” [9, tr.73-74]

Nhà văn Sơn Tùng đã sử dụng các câu đơn đặc biệt “*Ồ... biển! Biển!*”, “*Ồ!*” để thể hiện tâm trạng hết sức ngạc nhiên của bé Côn và Khiêm khi lần đầu nhìn thấy biển. Hai anh em không rời mắt khỏi biển, nó mênh mông và rộng lớn vô cùng. Chưa bao giờ thấy biển nên khi nhìn thấy, bé Côn tưởng tượng ra ngay cái ao làng. Đến khi biết rằng đó là biển thì bé Côn lại tưởng tượng những con thuyền là những con bò to lớn đang lội trên đó. Những câu đơn đặc biệt đã phần nào khắc họa một cách sinh động những tưởng tượng thơ ngây, trong sáng, đáng yêu, hồn nhiên và rất thông minh, ngộ nghĩnh của bé Côn và Khiêm.

b. Câu đặc biệt cảm thán thể hiện tâm trạng lo lắng, buồn bã

Các nhân vật trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” đều là những người nông dân chân chất, thật thà và giàu lòng nhân ái. Nhưng đôi khi họ lại gặp nhiều biến cố, trắc trở trong cuộc sống. Bằng những câu đặc biệt, Sơn Tùng đã cho người đọc hiểu được từng khía cạnh và cảm nhận được rõ hơn diễn biến tâm lý của các nhân vật.

Sau khi đỗ đạt và chuyển lên kinh thành, anh cử Sắc được cử đi chấm thi Hương ở Thanh Hóa, bé Khiêm được đi theo cha. Vậy là trong nhà chỉ còn mẹ, bé Côn và bé Nhuận. Từ sau ngày anh cử vắng nhà, sức khỏe của chị Sắc suy sụp rất nhanh, bệnh hậu sản cứ ngày càng nặng thêm. Tuy còn nhỏ nhưng bé Côn đã biết đỡ đần cho mẹ việc nhà và chăm em. Côn đã biết nấu cháo, sắc thuốc, chăm sóc bệnh tình của mẹ. Hằng ngày, Côn còn bế em sang những bà mẹ đang nuôi con nhỏ để xin sữa. Thời gian trôi qua thật nhanh, Tết đã đến. Đáng lẽ ra trong những ngày này gia đình phải sum họp, quây quần đón năm mới bên nhau nhưng một nỗi đau đã ập đến với bé Côn.

“Côn xách một vạm cơm trong cái gióng mây ba tao vừa đi vừa theo dõi con chim sâu mới ra ràng đang nhảy nhót trên hàng cây hoa đại sau cửa Đông Ba. Côn đặt vạm cơm xuống bãi cỏ đuổi bắt con chim con. Bỗng tiếng Công tôn nữ Huệ Minh gọi yếu ớt: “*Côn... oi! Mệ... Côn ...ch...ét... Côn... oi...!*”

Côn ném vạm cơm xuống. Cái vạm sành vỡ làm đôi, cơm tung tóe trên vạt cỏ úa vàng... Côn chạy một mạch về nhà, miệng la lớn: *M...ệ...Mệ...ô...ùi...!*” [9, tr.107]

Tiếng gọi mẹ sao mà da diết, thảm thiết, đau đớn vô cùng. Bé Côn đã rất đảm đang, đã làm tất cả mọi việc nhưng vẫn không thể nào giữ mẹ bên mình. Mẹ đã ra đi trong khi cha và anh còn đi vắng. Trong khi tất cả mọi người đang đón Tết đến xuân về thì bé Côn lại chìm trong nỗi đau quặn thắt. Nỗi đau quá sức chịu đựng với một cậu bé mới lên 10 tuổi.

Sau một thời gian dài dạy học tại trường Dục Thanh ở Phan Thiết, anh Ba đã quyết định rời khỏi nơi đây để đến Sài Gòn. Từ ngày vào đến Sài Gòn

anh Ba được mở mang tầm mắt, thấy được rất nhiều thứ mới lạ đáng học hỏi. Vào đây anh đã xin được công việc là phu khuân vác tại bến cảng Nhà Rồng. Anh cùng sống với rất nhiều người lao động chân chất giàu tình cảm: ông già Đồn, Tư Lê, út Huệ...

“Anh Ba người ướm mồ hôi, lưng cồng kiện hàng cao. Mỗi bước đi bàn chân chèo các ngón ra ngoài để dép cao su. Đằng sau anh là ông già Đồn, Tư Lê. Đi trước anh là út Huệ. Nhưng mắt anh vẫn hướng về con tàu sắp rời bến ra đại dương... Chẳng may cái quai dép mắc vào ngón chân trở bị tuột, mũi dép trái gập xuống đường, anh bị ngã. Hú vía! Cái thùng hàng trên lưng anh văng ra một bên. Anh nằm sòng soài trên mặt đất. Ông già Đồn hét hoảng:

- *Trời đất! Ba... Ba...!*

Tư Lê, Út Huệ đặt vôi kiện hàng xuống, chạy đến anh Ba. Tư Lê lại vấp ngã... Tóc Út Huệ sỏ xuống, bay lỏa xỏa ra đằng sau. Hai mắt như hai chiếc lá đào non sương đậu long lanh.” [9, tr.311-312].

Trong đoạn trích trên câu đơn đặc biệt “*Trời đất! Ba... Ba ...!*” được sử dụng với mục đích thể hiện sự lo lắng quan tâm của ông già Đồn cũng như mọi người đối với anh Ba. Dù chẳng phải những người ruột thịt, máu mủ nhưng họ đã coi nhau như người thân trong gia đình. Họ cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, họ quan tâm chăm sóc anh Ba rất chu đáo, tận tình khiến cho anh Ba cảm thấy thật ấm áp. Cuộc sống càng vất vả, khó khăn, cực nhọc bao nhiêu anh Ba lại càng quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước bấy nhiêu. Trong lòng anh luôn nung nấu một khát khao là làm sao nhân dân thoát khỏi được kiếp nô lệ, lầm than, đói khổ.

Câu đặc biệt cảm thán đã thể hiện được một cách trực tiếp diễn biến, tâm lí, tình cảm, cảm xúc nhân vật. Đây cũng là một phương tiện hiệu quả trong việc miêu tả tâm lý nhân vật.

### **2.3.3. Câu đơn đặc biệt miêu tả thiên nhiên**

Trong tác phẩm “Búp sen xanh”, ngoài việc kể lại diễn biến cuộc đời của Bác trong giai đoạn từ thời thơ ấu đến khi rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, tác giả còn đan xen vào đó miêu tả thiên nhiên bằng

những câu đơn đặc biệt. Thiên nhiên xứ Nghệ hiện lên thật đẹp, thật nên thơ. Đôi khi thiên nhiên cũng thấm đẫm tâm trạng của con người.

Sau một tháng đi bộ ròng rã trên con đường dài hàng trăm dặm, gia đình anh cử nhân Nguyễn Sinh Sắc đã vào đến kinh thành Huế, khung cảnh nơi đây thật mới lạ trước mắt hai đứa trẻ.

“- Cha ơi... cha, con sông ni có tên gọi khác không hả cha?

- Có chứ con. Tên nó là Hương. *Sông Hương*.

- Nước sông ni thơm lắm phải không cha?

- Sao con nghĩ là nước sông ni thơm?

- Ở nhà thường thấp hương cúng, con thấy thơm lắm. Con nghĩ... nước con sông ni phải thơm lắm thì người ta mới đặt tên nó là Hương, phải không cha?” [9, tr.78]

Lần đầu tiên được đến với kinh thành Huế, Côn ngơ ngạc như những chú nai con lạc giữa rừng hoa nhiều màu sắc rực rỡ và xen lẫn những cỏ gai khác lạ. Kinh đô Huế thật đẹp có những đám mây quần hình vành khăn, trắng xốp. Hai cậu bé bị ngợp mắt trước những lâu đài tráng lệ, nguy nga người qua lại mua bán tấp nập khác hẳn với ở quê nhà. Sơn Tùng đã sử dụng câu đơn đặc biệt - danh từ “*Sông Hương*” giúp người đọc như thấy hiện ra trước mắt một dòng sông êm đềm, hiền hòa, mộng mơ của xứ Huế.

Câu đơn đặc biệt trong tiểu thuyết “Búp sen xanh” không chỉ khắc họa miêu tả khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp mà thiên nhiên còn như mang nặng tâm trạng của con người, cũng buồn vui với số phận của con người, cũng đau với nỗi đau mất nước của người dân đất Việt.

“Mọi người đứng tại chỗ, cúi đầu xuống. Nguyễn Tất Thành đứng nghiêm trang nhìn lên phía ngọ môn. Lòng anh đau thắt. Bên tai anh những tiếng khóc nức nở. Nhiều cụ già quỳ thụp xuống hai bên đường. Anh nhìn thấp thoáng đức vua chân đi giày hở gót, mặc thường phục. Theo sau đức vua là các quan cùng triều. Tên khâm xứ Lê-véc-cơ bước tới. Đức vua dừng bước. Tên sĩ quan cận vệ của hấn bước đến bên vua. Hấn nói và hai tay điệu bộ - vì xa, Tất Thành không nghe tiếng tên khâm xứ nói những gì. Một tên sĩ quan cận vệ hai



tay nâng ra trước mặt vua Thành Thái trang giấy khổ rộng và bút nghiên. Đúc vua cầm ném xuống đất, chửi vào mặt tên Lê-véc-cơ rồi sải bước qua mặt nó, đi lên phía trước... Dân chúng chấp tay vái theo vua Thành Thái...

Cơn mưa chiều ập xuống kinh thành. *Gió! Gió! Gió nổi từng cơn! Từng cơn gió xé mưa trong trời xa mù mịt!*” [9, tr.206]

Dưới sự áp bức thống trị của thực dân Pháp, một số vị vua triều Nguyễn đã rất nhiều lần đứng lên tìm mọi cách để cứu nước khỏi nô lệ lầm than. Tuy nhiên mọi kế hoạch đều không thành, những vị vua đó lần lượt bị thực dân Pháp đày đi biệt xứ. Đoạn trích trên kể về sự kiện vị vua Thành Thái bị thực dân Pháp phế truất ngôi vị và đi đày. Cả kinh thành Huế u ám, chìm trong nỗi đau, “*Dòng sông Hương như một khúc ruột quặn*”, “*Chim không bay về!*”, “*Hoa vườn Thượng uyển ủ rũ!*”. Mọi người dân đau đớn xót xa chứng kiến cảnh vua Thành Thái bị đi đày. Trời đất cũng như hiểu lòng người, cũng đau như nỗi đau của người dân đất Việt nên gió cũng nổi lên, mưa ập xuống như khóc than tiễn biệt.

Sau khi ở Huế một thời gian dài, Nguyễn Tất Thành đã quyết định rời Huế về vào miền trong.

*Nắng.* Một thứ nắng như từ biển dâng lên, tràn đầy.

*Gió.* Một loại gió nóng từ bên kia Trường Sơn tràn xuống, dữ dội

*Nóng.* Cái nóng như lửa bốc vây hãm cả bốn phía kinh đô. Mặt trời như một cái vung lửa úp xuống Huế. Huế ngọt ngọt!” [9, tr.230]

Huế là nơi mà Nguyễn Tất Thành gắn bó từ thuở còn nhỏ. Đây chính là nơi chứng kiến những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc đời của chàng trai ấy. Để quyết định rời Huế là một điều rất khó khăn. Khung cảnh thiên nhiên lúc đó được tác giả miêu tả rất chân thực qua các câu “*Nắng.*”, “*Gió.*”, “*Nóng.*”. Đây chính là đặc trưng khí hậu của dải đất miền Trung. Thiên nhiên thật khắc nghiệt, nắng, gió, nóng như bủa vây làm cho cuộc sống của con người trở nên thật ngọt ngọt, bí bách. Thiên nhiên như càng khắc nghiệt hơn, oi bức hơn khi dân ta đang phải sống trong cảnh nô lệ đói nghèo. Vào ngày nắng như đổ lửa, mọi thứ xung quanh như đang quay tít trong đám bụi mù mịt. Nguyễn Tất

Thành thấy mình như một chiếc lá rời cành, bay trong gió cuốn chưa rõ điếm đến là đâu.

#### **2.3.4. Câu đơn đặc biệt với thời gian và không gian trong tiểu thuyết**

Thời gian và không gian là một phần không thể thiếu được trong tác phẩm văn học. Nó làm sống dậy những sự kiện trong tác phẩm. Chính vì thế trong tác phẩm “Búp sen xanh” bên cạnh những yếu tố hư cấu cần tác giả đã đưa ra những sự kiện lịch sử mang giá trị chân thực nhất định. Điều này góp phần tạo nên tính hấp dẫn của tiểu thuyết. Để tăng thêm tính chân thực đó nhà văn Sơn Tùng đã lựa chọn sử dụng 21 câu đơn đặc biệt trong tác phẩm. Đây là phương tiện ngôn ngữ có hiệu quả rất lớn trong việc xác định chính xác các mốc thời gian, vẽ ra những không gian cụ thể trong tiểu thuyết.

##### **2.3.4.1. Câu đơn đặc biệt với không gian trong tiểu thuyết**

Trong tác phẩm “Búp sen xanh” để kể về hành trình từ làng Sen đến bến Cảng Nhà Rồng của Nguyễn Tất Thành, tác giả đã xây dựng 3 không gian chính: không gian làng quê xứ Nghệ, không gian đường lên kinh đô Huế và cảnh đẹp miền Trung, cuối cùng đó là không gian vùng đất phương Nam vào đầu thế kỉ XX.

##### **a. Câu đơn đặc biệt với không gian làng quê**

Mở đầu tác phẩm, Sơn Tùng đã mở ra trước mắt người đọc hình ảnh làng quê xứ Nghệ có những cảnh vật rất đỗi thân thuộc với con người Việt Nam: những mái nhà, những con đường, cây đa, giếng nước, sân đình... Cụ thể ở đây là không gian làng Chùa quê ngoại - nơi Bác sinh ra và lớn lên, không gian làng Sen ở quê cha - nơi in giấu những kỉ niệm của Bác và gia đình. Bởi vậy làng Chùa và làng Sen là không gian được nhắc đến nhiều nhất trong tác phẩm.

Bác Hồ tên thuở nhỏ là Nguyễn Sinh Côn, tự là Tất Thành, tuổi ấu thơ của bé Côn gắn với khung cảnh làng Chùa nơi mà cậu cất tiếng khóc chào đời. Viết về không gian làng Chùa, nhà văn Sơn Tùng đã miêu tả một cách hết sức sinh động và tỉ mỉ từng chi tiết, gọi lên cho người đọc hình ảnh một miền quê yên ả và thanh bình.

“*Đồng quê chiều tím*. Chị nhỏ Sắc quảy trên vai đôi giỏng nhẹ tênh, lần từng bước theo bờ ruộng chênh vênh.

Gió chiều vuốt nhẹ tấm áo nâu non, nếp váy thâm bạc màu lượn theo dáng người thất đáy lưng ong của chị. Chị ngoái nhìn theo thửa ruộng đã cấy kín, niềm hi vọng một vụ lúa tốt đang nảy mầm trong lòng chị. Chị ghé xuống bên Đầm Sen rửa chân tay. Tiếng chim chiều “quốc... quốc...” trong lũy tre rậm rạp như tiếng gọi từ lòng chị vang lên.” [9, tr.51]

Với câu đơn đặc biệt “*Đồng quê chiều tím*”, Sơn Tùng đã giúp cho người đọc hình dung được khung cảnh, thời gian đồng quê lúc xế chiều. Đây cũng là thời điểm mà con người thường mang nhiều tâm sự nhất. Nghe tin anh Sắc đỗ cử nhân, chị nhỏ Sắc vui mừng khôn xiết. Bao nhiêu mệt nhọc của công việc đồng áng đã bỗng chốc tan biến đi chỉ còn lại một niềm tin vào ngày mai tươi sáng, vào một vụ mùa bội thu, no đủ. Giờ đây sự tần tảo, chịu thương chịu khó của chị nhỏ Sắc đã được bù đắp xứng đáng.

Trong sáng tác của Sơn Tùng không gian làng quê được dựng lại một cách chân thật, từ không gian trong nhà cho đến không gian trên những cánh đồng, những con đường. Chính những không gian đó tạo điều kiện thuận lợi cho Sơn Tùng khai thác cuộc sống hiện thực hằng ngày. Những biến cố, những hành động của nhân vật chủ yếu diễn ra trong những không gian này. Đọc từng câu văn, ta cảm nhận được không gian của một miền quê thanh bình, con người giản dị và đậm hồn xứ Nghệ.

#### b. Câu đơn đặc biệt với không gian đường lên kinh đô Huế

Sơn Tùng đã rất linh hoạt khi sử dụng câu đơn đặc biệt dựng lại nhiều không gian khác nhau để viết về hành trình lên kinh đô Huế của gia đình anh nhỏ Sắc. Theo chân cha vào kinh đô Huế để thi hội lần 2, đối với hai anh em Khiêm và Côn cái gì cũng thật mới mẻ và hấp dẫn. Con đường lên kinh đô gặp nhiều khó khăn, phải đi qua nhiều đường núi chôn chênh nhưng cả gia đình vẫn bền bỉ kiên trì trong suốt hành trình.

“Nghe lời mẹ, Côn vui vẻ bám lưng cha, trùm kín toi lá đi trong mưa gió. *Vào đến đèo Ngang*. Trời trong vắt. Gió biển gọi cây ngàn. Gia đình anh

Sắc nghỉ chân trên bãi cỏ dưới chân đèo. Chị Sắc cúi húi soạn cơm nắm, cà muối để chồng con ăn cho chắc bụng trước lúc vượt đèo. Anh Sắc giờ lịch xem ngày, giờ... Bé Khiêm ngồi bệt xuống cỏ, ôm bàn chân tây đỏ.” [9, tr.71]

Với câu đặc biệt - vị từ “*Vào đến đèo Ngang.*”, tác giả giúp người đọc định vị nơi quan sát. Đèo Ngang - là một con đèo nằm ở ranh giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh. Gia đình ông Nho Sắc đặt chân đến Đèo Ngang trong một không gian trập trùng, hùng vĩ vừa có núi non, cỏ cây, vừa nhìn ra được biển cả. Sau khi lên đến con đường mòn vượt đỉnh đèo tác giả còn sử dụng thêm câu đặc biệt “*Trên đỉnh đèo cao.*” như nhấn mạnh thêm vị trí quan sát. Từ điểm nhìn này khung cảnh núi non trùng điệp được hiện ra. Gió thổi lồng lộng, không gian nhìn ra xa mênh mang, mọi người đều dừng chân để cảm nhận được những làn gió mát lạnh, đón những điều tốt đẹp mà thiên nhiên ban tặng. Đây là lần đầu tiên Côn được nhìn thấy biển, nhìn thấy cái bao la rộng lớn của biển. Cũng từ đây Côn bắt đầu một cuộc hành trình tìm tòi, khám phá, bắt đầu cho sự khôn lớn, trưởng thành.

c. Câu đơn đặc biệt với không gian vùng đất phương Nam đầu thế kỉ XX

Trước khi vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã có thời gian ở Phan Thiết dạy học tại Trường Dục Thanh. Nhưng trong tâm trí của người thanh niên ấy vẫn không nguôi suy nghĩ về con đường giải phóng dân tộc.

“*Bên bến sông.* Thuyền đậu san sát, gỏi mũi lên bờ. Có những con thuyền vừa cập bến, hoàng hôn nhuộm thắm cánh buồm. Thầy Thành đưa mắt quan sát từng con thuyền từ các phương xa tới ăn nước mắm Phan Thiết. Thuyền từ Sài Gòn, Gia Định, Sa Đéc, An Giang, Huế, Hà Nội... cập bến.” [9, tr.268]

Câu đơn đặc biệt “*Bên bến sông.*” giúp người đọc hình dung rõ ràng hơn cảnh tượng trước mắt người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Thuyền bè xuôi ngược tấp nập. Trong số những con thuyền ấy thầy Thành chỉ chú ý tới những con thuyền từ Sài Gòn ra. Vì trong lòng thầy luôn ấp ủ mong muốn vượt ngàn trùng dương để tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

Vì mục đích ấy thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm rời Phan Thiết, rời bỏ công việc yêu thích để đến với Sài Gòn sầm uất, một thành phố hiện đại bậc nhất xứ Đông Dương lúc bấy giờ.

“- Đi đến chân trời mơ ước. - Anh Ba vừa cười vừa nói.

Diệp Văn Kỳ cũng bật cười theo nhưng vẫn chưa hết ngạc nhiên:

- *Cái chân trời mơ ước!* Mơ ước của anh để rồi làm một đức Chúa hay đức Phật của thời đại mới hay sao mà anh phải đánh đổi giá tu luyện đắt dữ vậy?

- Làm người trung chính ở giữa cái thế gian này còn chưa ăn nhằm gì hưởng hồ mơ làm một thứ siêu nhân nào đó vô nghĩa anh ạ.” [9, tr.295]

Nhà văn đã gọi Sài Gòn hoa lệ bằng một câu đơn đặc biệt “*Cái chân trời mơ ước!*”. Từ một cậu ấm con quan lớn, học trò của ngôi trường nổi tiếng, là thầy giáo được nhiều người kính trọng Nguyễn Tất Thành đã từ bỏ tất cả để trở thành người làm thuê dưới tàu. Với một mong ước lớn lao là ra đi tìm được con đường cứu nước, cứu dân mang lại hạnh phúc, tự do cho dân tộc.

#### **2.3.4.2. Câu đơn đặc biệt với thời gian trong tiểu thuyết**

“Búp sen xanh” là tiểu thuyết lịch sử nên các mốc thời gian diễn ra các sự kiện rất cần phải đúng với lịch sử. Do đó những câu đơn đặc biệt nêu lên thời gian trong tiểu thuyết phải có giá trị nhất định đối với việc tăng thêm tính chân thực của các sự kiện, các hành động hay diễn biến của truyện.

Trong tiểu thuyết “Búp sen xanh”, nhà văn Sơn Tùng đã sử dụng rất nhiều câu đơn đặc biệt có giá trị như vậy.

Ngay từ đầu tiểu thuyết khi nói về thân sinh cụ Nguyễn Sinh Sắc chúng ta đã thấy xuất hiện câu đơn đặc biệt.

“*Một buổi trưa hè. Gió Lào phả cái nóng vào mọi chôn mọi nơi trên đất làng Sài. Một nhóm con trai ra đầu làng ngồi mát, đan rổ rá. Cô Đền đi chợ xa về. Cô mặc váy lụa, bốn dải lưng xanh, dây xà tích, áo dài vải Đồng Lầm lấp ló cổ áo trắng, yếm thắm, vấn khăn nhung, tóc thả đuôi gà. Cô đi từ ngoài đường hàng huyện trở vào làng. Cô quây đôi thúng đầy hai cái mẹt kín bung,*

trên mặt có một chồng bánh đa. Vừa đi chớm tới bóng râm đầu cổng làng, thấy đông người đang ngồi mát dưới gốc cây, cô đã cố ý đi nép vào rìa đường làng. Bất thần một anh chàng giơ tay đụng vào vai cô và nói giọng chót nhả. Cả đám trai làng cười ồ lên. Cô Đền mặt đỏ bừng, hai con mắt lá đào quắc sáng như hai ngọn đèn, mắng: “Cái hạng như các anh không đáng đụng đến gấu váy của tôi đâu.” Như lửa bị dội nước mọi người mặt ngay như cán tàn ngồi im như phỗng đá.” [9, tr.33]

Đoạn trích trên nói về Hà Thị Hy hay còn gọi là cô Đền là bậc thân sinh của ông nho Sắc. Là một cô gái con nhà nghệ nhân nổi tiếng, vừa xinh đẹp vừa tài giỏi nhưng trớ trêu thay lại bị trai làng “ăn thề” với nhau không ai hỏi làm vợ, nếu trai làng khác đến dạm hỏi thì bị chặn đường đánh. Tác giả đã sử dụng câu đặc biệt danh từ “*Một buổi trưa hè*”. Câu này thực chất là trạng ngữ chỉ thời gian cho câu văn đi liền sau nó. Song nó lại được tách ra để trở thành câu độc lập đứng đầu đoạn văn, có tác dụng đánh dấu thời gian xác định đó là buổi trưa. Khi mà nhiệt độ mùa hè lên đến đỉnh điểm nhất, bóng dáng cô Đền từ phía xa trông thật xinh đẹp với áo lụa, yếm thắm, dù đã cố ý nép lại nhưng vẫn bị trai làng trêu ghẹo, đi đường xa đã thấm mệt mà còn bị trêu cô tức giận nói lại “Cái hạng các anh không xứng đụng đến gấu váy của tôi đâu.” Thế là từ đó trai làng lập lời thề, khiến cho cô gái dù xinh đẹp tài giỏi đến mấy vẫn chưa lấy được chồng. Buổi trưa đó là mốc quan trọng làm thay đổi cuộc đời của cô Đền.

Hay như đoạn trích dưới đây nhờ có câu đơn đặc biệt mà thời gian được xác định một cách chính xác, sinh động hơn.

“*Một buổi chiều sau tết Nguyên đán*. Mưa xuân lâm thâm. Gió se se lạnh Nguyễn Sinh Sắc đội nón mê, khoác áo toi lá nằm trùm hum trên lưng trâu ở cánh đồng Dăm Quan. Con trâu mải miết gặm cỏ. Sắc mê say học bài. Sợ bụi mưa thấm vào trang sách, Sắc nghiêng nghiêng mái nón che phía gió thổi.” [9, tr.41]

Qua việc sử dụng câu đơn đặc biệt danh từ “*Một buổi chiều sau tết Nguyên đán*” tác giả đã dựng lên một mốc thời gian cụ thể, đó là một buổi

chiều mùa xuân với một chút mưa phùn và gió se lạnh, cậu học trò nhỏ đang say mê chăm chú đọc sách. Ở đây tác giả muốn nhấn mạnh thời điểm cuộc gặp gỡ giữa thầy giáo Hoàng Xuân Đường và cậu học trò Nguyễn Sinh Sắc. Cuộc gặp gỡ như là định mệnh làm thay đổi cả cuộc đời của cậu sau này.

Ngoài ra trong tiểu thuyết còn sử dụng rất nhiều câu đơn đặc biệt chỉ thời gian khác nhau như “*Một đêm thu.*”, “*Đêm kinh thành.*”, “*Đêm tháng Chạp.*”, “*Đêm sang canh.*”, “*Một buổi trưa.*”, “*Một ngày chủ nhật.*”, “*Tối hôm sau.*”... Việc sử dụng những câu đơn đặc biệt như trên giúp tác giả có thể vừa nhấn mạnh được mốc thời gian vừa nhấn mạnh được những sự kiện diễn ra tại thời điểm đó. Có thể đó là những thời gian nào đó trong năm hay là khoảnh khắc thay đổi số phận con người.

Tiểu thuyết “Búp sen xanh” được kể lại theo trình tự thời gian. Những thời khắc quan trọng được làm nổi bật bằng những câu đơn đặc biệt - danh từ. Những mốc thời gian đó thường gắn liền với lịch sử của đất nước.

“*Một sáng tháng tư năm 1908.* Cũng như mọi sáng Thành cấp sách đến trường. Thành ngơ ngác: từng đoàn người chân đất, áo rách, nón mê, tay không tác sát từ Công Lương, An Hòa, An Cựu và Kim Luông, Bao Vinh kéo đến trước tòa khâm.” [9, tr.221]

Bằng cách sử dụng câu đơn đặc biệt “*Một sáng tháng tư năm 1908.*”, nhà văn Sơn Tùng đã cho người đọc trở lại Huế những năm đầu của thế kỉ XX một cách sinh động. Đầu năm Mậu Thân (1908) phong trào chống thuế ở phía Nam Huế bùng nổ, ngọn lửa kháng sưu chống thuế ở Thừa Thiên Huế âm ỉ bấy lâu có dịp bùng lên. Như đã hẹn trước, rạng sáng ngày 11 tháng 4 năm 1908, dân chúng ngoại thành chia thành từng nhóm nhỏ kéo vào Huế. Đoàn xin sưu thuế gánh ông Trần Trạm trong thúng và xác ông Nguyễn Cường trong cáng tiến về phía Toà Khâm và Phủ Doãn Thừa Thiên. Đoàn người có những nét rất đặc biệt: tóc cắt ngắn, áo quần rách rưới, mang bị gậy như người đi xin, mo cơm bới bên hông. Có người mang cả nôi niêu và một manh chiếu rách. Nguyễn Tất Thành tham gia với tư cách là một người thông ngôn. Như vậy đây là sự kiện có thật trong lịch sử, Nguyễn Tất Thành cũng tham

gia sự kiện này. Yếu tố có thật của lịch sử được đưa vào tiểu thuyết rất sinh động. Người đọc như thấy hiện ra trước mắt, như chứng kiến tận mắt diễn biến phong trào chống thực dân của người dân Huế. Có được điều đó là do sự xuất hiện của câu đơn đặc biệt.

Nhờ ảnh hưởng của những thầy giáo tân học và được tiếp xúc với báo chí tiên bộ, ý muốn đi sang phương Tây để tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi thành tựu văn minh nhân loại đã từng bước lớn dần lên trong tâm trí của Nguyễn Tất Thành. Anh dường như đã hiểu được những hạn chế của các vị tiền bối nên quyết định lựa chọn con đường đi của riêng mình. Năm 1911 là năm đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời của Nguyễn Tất Thành. Trong tác phẩm “Búp sen xanh” tác giả cũng đã nhấn mạnh sự kiện ấy bằng việc sử dụng câu đơn đặc biệt danh từ chỉ thời gian.

“*Tháng sáu, 1911.* Hoa điệp thấp chói đỏ từng mảng trời thành phố Sài Gòn. Mặt đường hoa lấm tẩm những cánh hoa như xác pháo sau đêm giao thừa.” [9, tr.324]

Trong cái không gian yên tĩnh của đường phố Sài Gòn. Người thanh niên Nguyễn Tất Thành bước đi chậm chậm dưới con đường đầy những cánh hoa điệp. Vừa đi anh vừa suy nghĩ về lời hẹn với ông chủ sự cảng nhà Rồng. Anh đã đi gặp cha để nói về dự định của mình quyết “Dứt áo ra đi biệt xứ”. Ông phó búng vòng tay khoác lên vai con trai, động viên con thực hiện mục đích lớn - điều mà ông đã ấp ủ bấy lâu nay mà chưa thực hiện được. Nhưng ông luôn giữ một niềm tin đợi chờ đất nước sẽ độc lập, nhân dân sẽ được tự do, hạnh phúc. Tác giả đã ghi lại khoảnh khắc ấy bằng câu đơn đặc biệt “*Tháng sáu, 1911.*” Trách nhiệm cao cả được cha giao phó, Nguyễn Tất Thành dứt áo ra đi, đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, của đồng bào. Lúc này tình yêu Tổ quốc thiêng liêng, cao cả hơn bao giờ hết, đất nước có độc lập thì dân ta mới được tự do, hạnh phúc.

Tác giả đã đưa người đọc trở về thời khắc lịch sử đầy xúc động tại bến cảng Nhà Rồng bằng việc sử dụng câu đơn đặc biệt.



*“Sáng ngày Năm, tháng Sáu, năm Một ngàn chín trăm mười một.*  
Sương sớm phủ nóc Nhà Rông. Dòng sông Sài Gòn cong vòng như lưng người già đã trải qua nhiều khúc đường đời khổ ải.

Trời ngả màu chì.

Cơn mưa đen thánng sáu dấy lên.

Từ trong ngõ hẻm, anh Ba bước đi từng bước ung dung, mắt nhìn thẳng phía trước. Đi bên anh là ông già Đờn. Tư Lê, Sáu Đen, Chín Mập đi sát phía sau. Út Huệ đi sau cùng” [9, tr.347]

Ngày 5/6/1911, từ Bến cảng Nhà Rông, Nguyễn Tất Thành bắt đầu cuộc hành trình ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Đây là sự kiện có ý nghĩa bước ngoặt, vô cùng quan trọng với lịch sử dân tộc Việt Nam, có thật trong lịch sử dân tộc. Bằng cách sử dụng câu đơn đặc biệt, nhà văn Sơn Tùng đã tái hiện được một cách chân thực khoảnh khắc thiêng liêng ấy. Cuộc chia li ở bến cảng Nhà Rông đầy lưu luyến nhưng không hề bi lụy. Những con hẻm dài hun hút, những con tàu đang xả khói đen đục cả bầu trời. Ánh mắt mọi người tràn đầy niềm tin, hi vọng chàng thanh niên trẻ sẽ xóa bỏ được kiếp nô lệ, làm than cho dân tộc. Với câu đơn đặc biệt *“Sáng ngày Năm, tháng Sáu, năm Một ngàn chín trăm mười một.”* Sơn Tùng muốn nhấn mạnh về cái dấu ấn ghi lại ngày mà Bác ra đi tìm đường cứu nước, mang theo niềm tin của cả dân tộc. Sau này trải qua bao khó khăn gian khổ Nguyễn Tất Thành đã tìm ra con đường cứu nước. Đó chính là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy ta có thể thấy câu đơn đặc biệt dùng để biểu thị thời gian trong tác phẩm “Búp sen xanh” thường được cấu tạo bởi một cụm danh từ. Những câu đơn này đã góp phần tăng thêm tính chân thực cho các sự kiện diễn ra trong tiểu thuyết. Tác giả đã rất thành công khi sử dụng câu đơn đặc biệt để diễn tả thời gian và không gian trong tác phẩm. Chỉ với một câu ngắn gọn nhưng nó vừa tái hiện được không gian diễn ra của các sự kiện trong tác phẩm, lại vừa đánh dấu được những sự kiện quan trọng trong cuộc đời nhân vật. Đúng như nhận xét: *“Không gian trong văn học cũng có đặc sắc riêng. Không thể tái hiện đời sống mà không dựng lại địa điểm, nơi nhân vật sống,*

*hành động hoặc những chân trời mà nhân vật mơ ước. Văn học không thể cho người ta thấy được tương quan các vật thể trong không gian như hội họa, điêu khắc, nhưng nó tạo ra những giới hạn khác của không gian như không gian tâm tưởng (thế giới của suy tư và mơ ước của con người), không gian lịch sử.” [7, tr.100]. Câu đơn đặc biệt đã góp phần tái tạo lại không gian, thời gian lịch sử đặc biệt quan trọng của đất nước.*

#### **2.4. TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Câu đơn đặc biệt là phương tiện ngôn ngữ được Sơn Tùng sử dụng khá nhiều trong tác phẩm “Búp sen xanh”. Giá trị của câu đơn đặc biệt không chỉ dừng lại ở hình thức câu chữ. Đây còn là phương tiện giúp nhà văn thể hiện được tình cảm, thái độ, cảm xúc của các nhân vật, được dùng làm lời gọi đáp trong cuộc sống hằng ngày. Ngoài ra nó còn dựng lên trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên Việt Nam thật đẹp và nên thơ nhưng cũng thấm đẫm tâm trạng con người. Đặc biệt nó đã đưa ra những mốc thời gian quan trọng có thật trong cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ thuở ấu thơ đến lúc rời bến cảng Nhà Rồng. Tiểu thuyết lịch sử sẽ có những yếu tố hư cấu, tưởng tượng nhưng nhờ có những mốc thời gian chính xác đó người đọc đã cảm nhận một cách chân thực hơn, sống động hơn về cuộc đời của Bác. Đó cũng chính là thành công của tiểu thuyết “Búp sen xanh”.

## KẾT LUẬN

1. Sơn Tùng là nhà văn có đóng góp đáng kể cho nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông được xem là người đầu tiên trên văn đàn Việt Nam mở ra một hướng mới khi viết về Bác Hồ, không phải xuất phát từ cái nhìn về một vị lãnh tụ, mà từ một con người bình dị, một con người mang tâm hồn dạt dào của người dân xứ Nghệ. “Búp sen xanh” là tác phẩm xuất sắc nhất của văn học Việt Nam kể lại một cách chân thực, cảm động và trọn vẹn về cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh từ lúc thơ ấu đến lúc trưởng thành. Cùng với thời gian, tác phẩm không hề bị mai một mà luôn được các thế hệ độc giả đón nhận một cách hứng thú. Góp phần vào sự thành công của tác phẩm ngoài tính chân thực, sinh động và tình cảm chúng ta phải kể đến một yếu tố không thể thiếu đó là khả năng sử dụng từ ngữ, cách đặt câu linh hoạt, phong phú và sinh động.

2. Câu là đơn vị thông báo nhỏ nhất của ngôn ngữ. Có rất nhiều định nghĩa, quan điểm khác nhau về câu nhưng để có một định nghĩa khái quát nhất, hoàn chỉnh nhất thật không dễ dàng. Trong khóa luận này chúng tôi lựa chọn quan điểm của Lê A để làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu chương 2. Trong chương 1, bên cạnh việc trình bày các loại câu đơn, câu ghép, câu phân chia theo mục đích nói, chúng tôi chú trọng trình bày những nghiên cứu về câu đơn đặc biệt của tác giả. Ngoài ra để chi tiết hơn chúng tôi có đưa thêm những nghiên cứu về câu đơn đặc biệt của Diệp Quang Ban.

3. Những nghiên cứu về câu đơn đặc biệt nói chung đã được làm sáng tỏ hơn qua việc nghiên cứu chỉ ra giá trị, vai trò của nó trong một tác phẩm cụ thể - tiểu thuyết “Búp sen xanh”. Ngoài việc được sử dụng làm lời gọi đáp, miêu tả thiên nhiên, định vị điểm nhìn câu đặc biệt có giá trị rất lớn trong việc định vị thời gian, không gian một cách chân thực. Qua đó các sự kiện, diễn biến tâm lý nhân vật được khắc họa một cách rõ nét, chính xác. Đọc tiểu thuyết nhưng chúng ta tưởng như tất cả đều là sự thật, đều là những chi tiết có thật về tuổi thơ của Bác, về quá trình khôn lớn, trưởng thành của Chủ tịch Hồ

Chí Minh. Chúng ta nhận thấy lòng yêu nước của Người được bắt nguồn từ một vùng quê giàu truyền thống văn hóa, lịch sử đó là làng Sen quê nội và làng Chùa quê ngoại. Chính nơi đây đã sinh ra một con người, một lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Đúng như nhà văn Sơn Tùng đã viết: *“Các bậc thiên tài không có sẵn. Chính truyền thống gia đình, quê hương là khởi thủy tạo nên những tính cách đầu tiên của mỗi con người và đi vào đời ...”* Người chính là hồn thiêng sông núi, là “Búp sen xanh” ngát mãi muôn đời.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê A (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Tiếng Việt 3*, NXB Đại học Sư phạm.
- [2]. Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Giáo dục.
- [3]. Đỗ Hữu Châu (1997), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [4]. Đỗ Hữu Châu (2004), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm.
- [5]. Nguyễn Chúc Chi (2011), *Khảo sát câu tỉnh lược và câu đặc biệt trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Ngữ văn, Đại học Cần Thơ.
- [6]. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, tập 1 NXB KHXH.
- [7]. Trần Đình Sử (Chủ biên) (2004), *Giáo trình Lí luận văn học*, NXB Đại học Sư Phạm.
- [8]. Giáp Thị Thu, *Trường nghĩa không gian trong “Búp sen xanh” của Sơn Tùng và “Sương mù tháng giêng” của Ưông Triều*, Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ học, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- [9]. Sơn Tùng (1982), *Búp sen xanh*, Tái bản lần thứ 30, NXB Kim Đồng.
- [10]. Đậu Dung (2021), *Vị thế khó thay thế của nhà văn Sơn Tùng khi viết về Bác Hồ*, nguồn <https://www.phunuonline.com.vn/vi-the-kho-thay-the-cua-nha-van-son-tung-khi-viet-ve-bac-ho-a1441146.html>, ngày truy cập 19/9/2021.
- [11]. Phương Hà (2021), *Nhà văn Sơn Tùng: Một nhà văn đặc biệt với ý chí sống và sáng tạo phi thường*, nguồn <https://baotintuc.vn/van-hoa/nha-van-son-tung-mot-nha-van-dac-biet-voi-y-chi-song-va-sang-tao-phi-thuong-20210726095755362.htm>, ngày truy cập 19/9/2021.
- [12]. Hạnh Lê (2021), *"Búp sen xanh" - Tác phẩm tâm huyết nhất kính dâng lên Bác của nhà văn Sơn Tùng*, nguồn <https://vov.vn/van-hoa/van-hoc/bup-sen-xanh-tac-pham-tam-huyet-nhat-kinh-dang-len-bac-cua-nha-van-son-tung-876342.vov>, ngày truy cập 19/9/2021.
- [13]. Nguyễn Quang Mến, *Hiệu quả nghệ thuật của câu đơn đặc biệt trong truyện ngắn của Nam Cao*, nguồn <https://123docz.net/document/2280170-hieu-qua-nghe-thuat-cua-cau-dac-biet-trong-truyen-ngan-nam-cao.htm> , ngày truy cập 19/9/2021.

**PHỤ LỤC**

**BẢNG KHẢO SÁT CÂU ĐƠN ĐẶC BIỆT TRONG TIỂU THUYẾT**

**“BÚP SEN XANH” CỦA SƠN TÙNG**

STT	Các câu đơn đặc biệt	Tổng số lần xuất hiện	Trang	Phân loại câu đơn đặc biệt		
				Câu gọi đáp	Câu cảm thán	Câu tồn tại
1	Ông ơi!	3	10, 44 (2 lần)	x		
2	Ồ.	4	12, 199 (2 lần), 290		x	
3	Cháu Thanh ơi!	1	13	x		
4	Quý hóa quá!	2	25, 232		x	
5	Cha ơi!	8	26, 68 (2 lần), 80, 141, 203, 204 (2 lần)	x		
6	Một buổi trưa hè.	1	33			x
7	Anh... ơi...!	2	37 (2 lần)	x		
8	Gớm!	2	39, 49		x	
9	Đúng.	3	39, 232 (2 lần)		x	
10	Rất đúng.	1	39		x	
11	Con nòi.	2	39, 40			x
12	Nòi cầm ca	2	39, 40			x

13	Nôi nhà ngọc phun châu.	2	39, 40			x
14	Nôi cô Đền.	2	39, 40			x
15	Tài hoa lắm.	1	39		x	
16	Một buổi chiều sau tết Nguyên đán.	1	41			x
17	Thảo nào.	1	41		x	
18	Tốt.	1	42		x	
19	Tốt lắm...	1	42		x	
20	Dề.	1	44	x		
21	Ôi sung sướng!	1	44		x	
22	Sung sướng!	1	44		x	
23	Được.	5	45, 242, 263, 317 (2 lần)			x
24	Mệ ơi!	6	38, 45, 52, 101, 103, 106	x		
25	Ồ!	14	47, 60, 72, 73, 118, 131, 146, 178, 180, 241, 264 (2 lần), 303, 339		x	
26	Cháu ơi!	3	47, 156, 188	x		
27	Ồi!	5	48, 93, 233 (2 lần), 347		x	
28	Con người	1	48			x

	ta...					
29	Loan này.	1	49	x		
30	Đồng quê chiều tím.	1	51			x
31	Ấy chớ!	1	52		x	
32	Nhớ.	1	56			x
33	Cậu ơi.	1	59	x		
34	Bà ơi.	4	60, 117, 148, 151	x		
35	Ấy chết.	6	60, 129, 164, 269, 317, 342		x	
36	Dạ...	7	61, 88, 196, 197, 241, 253, 255	x		
37	Một đêm thu.	1	61			x
38	Được lắm.	1	62		x	
39	Bà!	1	64	x		
40	Cái nhà!	1	68			x
41	Mệ!	1	70	x		
42	Vào đến đèo Ngang.	1	71			x
43	Cha ơi cha!	1	73	x		
44	Trên đỉnh đèo cao.	1	73			x
45	Ồ... biển!	1	73		x	



46	Biển!	1	73			x
47	Thuyền đó.	1	74			x
48	Sông Hương.	1	78			x
49	Phải rồi.	6	81, 84, 107, 274, 276, 290		x	
50	Công!	2	88	x		
51	Đêm kinh thành.	1	89			x
52	Thưa...	1	92	x		
53	Côn!	4	17, 97, 135, 137	x		
54	Nào.	1	98		x	
55	Ấy... chết!	1	100		x	
56	Con ơi!	2	100, 123	x		
57	Trời đất!	8	101, 241, 265 (2 lần), 272, 288, 297, 311		x	
58	Ôi cha!	1	103		x	
59	Mùa hè năm cuối cùng của thế kỉ mười chín.	1	103			x
60	Côn ơi!	3	103, 107, 150	x		
61	Chắc là kịp.	1	106			x
62	Đêm tháng chạp.	1	106			x

63	Ừ.	4	107, 177, 304, 324		x	
64	M...ệệ... Mệệ...ô...ii!	1	107	x		
65	Náu lặng! (Im lặng)	1	108			x
66	Chẳng có một người nào cả.	1	110			x
67	Ấy!	1	117		x	
68	Phải.	2	117, 243	x		
69	Các trò ơi!	1	119	x		
70	Quan phó bảng!	1	120			x
71	Đêm sang canh.	1	123			x
72	Loan ơi!	2	123, 124	x		
73	Đêm tĩnh mạc.	1	123			x
74	Than ôi!	1	132		x	
75	Bà ơi!	3	134, 151 (2 lần)	x		
76	Cháu Công ơi!	1	148	x		
77	Cô ơi!	1	165	x		
78	Đêm yên tĩnh.	1	166			x

79	Thật là tuyệt...	1	180		x	
80	Tuyệt vời...	1	180		x	
81	Khá lắm.	1	187		x	
82	Chà!	2	191(2 lần)		x	
83	A!	1	195		x	
84	Cháu Thành!	1	195	x		
85	Ồ!	2	195, 232		x	
86	Cháu ạ!	1	198	x		
87	Cứu nước!	2	198 (2 lần)			x
88	Chú!	1	198	x		
89	Chú ơi!	3	198 (2 lần), 200	x		
90	Cháu Tất Thành!	1	201	x		
91	Gió!	3	206 (2 lần), 230			x
92	Thành!	1	209	x		
93	Một sáng tháng tư năm 1908.	1	221			x
94	Anh Khải!	1	223	x		
95	Thành à!	2	224, 331	x		
96	À!	2	226, 241		x	
97	Tất Thành!	1	227	x		

98	Nắng.	1	230			x
99	Nóng.	1	230			x
100	Khỏi.	1	232			x
101	Trời đất ơi!	3	233, 306, 316		x	
102	Các chú ơi!	1	235	x		
103	Không dám.	1	240	x		
104	Ừ, rất khỏe.	1	242			x
105	Rất khỏe.	1	242			x
106	Bấm quan lớn!	4	243, 244(2 lần), 302	x		
107	Các trò ạ!	1	251	x		
108	Một buổi trưa.	1	252			x
109	Bấm cậu ấm...	1	258	x		
110	Bấm cậu!	1	259	x		
111	Một ngày chủ nhật.	1	261			x
112	Bên bên sông.	1	268			x
113	Thầy giáo ơi!	1	269	x		
114	Thầy giáo ạ.	1	271	x		
115	Trời trời!	1	272		x	

116	Tr...ời!	1	273		x	
117	Là bạn.	1	273			x
118	Các thầy ơi!	1	275	x		
119	Ủa!	1	287		x	
120	Chú Út ơi!	2	288, 348	x		
121	Ồ!	3	294, 338 (2 lần)		x	
122	Cái chân trời mơ ước!	1	295			x
123	Anh Tất Thành à.	1	295	x		
124	Được rồi.	1	295			x
125	Chết chửa!	1	297		x	
126	Cha!	3	301 (2 lần), 335	x		
127	Dềề	1	304	x		
128	Ừ ừ.	1	308	x		
129	Ba... Ba...!	1	311	x		
130	Tối hôm sau.	1	318			x
131	Chà chà!	1	321		x	
132	Tháng sáu, 1911.	1	324			x
133	Đâu dám.	1	325		x	
134	Tr... ời đất!	1	326		x	
135	Cậu ấm ơi!	1	329	x		

136	Đừng!	1	335		x	
137	Tổ Quốc!	1	335			x
138	Đồng bào!	1	335			x
139	Ngày 2 tháng 6 năm 1911.	1	337			x
140	Tốt, tốt lắm.	1	338		x	
141	Sáng ngày Năm, tháng Sáu, năm Một ngàn chín trăm mười một.	1	347			x
142	Anh Ba ơi!	1	348	x		
143	Các anh ơi!	1	348	x		
144	Út Huệ ạ!	1	348	x		
145	Út!	1	349	x		
146	Anh!	1	350	x		
147	Cơm năm.	1	350			x
148	Anh Ba!	1	350	x		
149	Em..	1	350	x		
<b>Tổng số lần xuất hiện</b>		<b>257</b>				